CÔNG TY CỔ PHẦN **CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46 /CB-CTy V/v công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.	*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.
2. Mã chứng khoán: **DTB**
3. Trụ sở chính: 261 Hoàng Văn Thụ - Phường 1 –Thành phố Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng
4. Điện thoại: 0263.3864057
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Kim Hiền
6. Nội dung của thông tin công bố:

   * Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào lúc 7h00 ngày 24/4/2019 tại trụ sở chính Công ty số 261 Hoàng Văn Thụ - Phường 1 –Thành phố Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng.

   * Thông tin này và tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải và cập nhật sửa đổi bổ sung (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: http://congtydothibaoloc.com (mục quan hệ cổ đông)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./-

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS CTy;
- Ban điều hành Cty;
- Website: http://congtydothibaoloc.com
- Lưu Thư ký Cty.

GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Lê Kim Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 24/QĐ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
V/v thành lập ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua;

Căn cứ vào nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐQT ngày 06/4/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay thành lập ban tổ chức đại hội đồng đồng cổ đông thường niên năm 2019, gồm các ông, bà sau đây:

1. Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Trưởng ban
2. Ông Lê Kim Hiền	TV.HĐQT-Giám đốc Công ty – Phó ban
3. Ông Đỗ Hữu Súy	TV.HĐQT – Phó ban
4. Ông Phan Huy Thanh	TV.HĐQT – Thành viên
5. Ông Nguyễn Duy Tiên	TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty - Thành viên
6. Ông Phạm Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát – Thành viên
7. Ông Nguyễn Đức Hạnh	TV.BKS, Đội trưởng đội CV- CX - Thành viên
8. Bà Bùi Thị Hải Yến	TV.BKS, Nhân viên P.KT-TV- Thành viên
9. Ông Lưu Quang Tuấn	Kế toán trưởng Cty - Thành viên
10. Ông Hồ Đình Dũng	Thư ký HĐQT, Trưởng P.KH-KT - Thành viên
11. Ông Trần Chí Thắng	GĐ XN DVMT - Thành viên
12. Ông Phạm Thanh Kem	Trưởng phòng TC-HC - Thành viên
13. Bà Ngô Thị Oanh	Phó phòng TC-HC - Thành viên
14. Ông Nguyễn Trọng Ân	Phó phòng KH-KT - Thành viên
15. Ông Đinh Công Văn	Nhân viên P.KT-TV -Thành viên
16. Bà Nguyễn Thị Hồng Hòe	Văn thư Cty - Thành viên

Điều 2: Ban tổ chức chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, chuẩn bị các điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất để tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Điều 3: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Ban giám đốc, Thư ký Công ty, và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Quang

Nơi nhận:
- Như điều 4 (*Để thi hành*);
- Lưu Văn thư Cty;

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
Địa chỉ: 261 Hoàng Văn Thụ - P1. Bảo Lộc
MST: 58.0000.1347

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bảo Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

Số: 42/TB-Cty

THÔNG BÁO MỜI HỌP
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể như sau.

I. Thời gian: 07giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2019. (Thứ tư)

II. Địa điểm: Tại Hội trường Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc, số 261, Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

III. Thành phần tham dự Đại hội:

- Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông là 10/4/2019.

- Trường hợp cổ đông không thể trực tiếp tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải làm bằng văn bản theo mẫu đính kèm, có chữ ký xác nhận (đối với cổ đông là cá nhân) và ký tên, đóng dấu (đối với cổ đông là tổ chức, cơ quan).

IV. Nội dung dự kiến chương trình Đại hội:

1- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018. Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019;
2- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, đánh giá giám sát của HĐQT với Ban điều hành trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019;
3- Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
4- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
5- Đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2019;
6- Đề xuất phân phối lợi nhuận và hình thức chia cổ tức năm 2018;
7- Đề xuất việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
8- Thông qua Điều lệ mới của Công ty;
9- Thông qua quy chế Quản trị Công ty;
10-Biểu quyết các nội dung của Đại hội;
11-Thông qua biên bản Đại hội.

V. Tài liệu: Các tài liệu liên quan đến Đại hội cổ đông sẽ được đăng tải trên website của Công ty **http://congtydothibaoloc.com** - mục **"quan hệ cổ đông"**.

VI. Đăng ký tham dự:

Để việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thuận lợi, đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

năm 2019 theo mẫu đính kèm trước 17h00 ngày 22/4/2019 bằng cách gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện, Email theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc,

Địa chỉ: số 261 Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Điện thoại: 02633.864057 Email: **ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn**

Đề nghị quý Cổ đông có đủ điều kiện như mục III về dự, khi đến dự đề nghị quý Cổ đông mang theo Chứng minh nhân dân, giấy uỷ quyền *(nếu có),* các tài liệu liên quan.

Đề nghị quý Cổ đông có ý kiến bổ sung về nội dung chương trình Đại hội thì gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Ông Nguyễn Đức Hạnh – thành viên Ban kiểm soát (ĐT: 0909.211.802) hoặc phòng TC-HC Công ty theo địa chỉ như trên trước 17giờ00' ngày 19 tháng 4 năm 2019

Để Đại hội thành công, Hội đồng quản trị trân trọng kính mời các Quý cổ đông bố trí thời gian về dự Đại hội đúng giờ.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban chứng khoán NN;
- Website: http://congtydothibaoloc.com;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Hoàng Văn Quang

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Thời gian : Ngày 24 tháng 4 năm 2019 (Thứ tư)

Địa điểm : Hội trường Cty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc,

Địa chỉ: Số 261- Đường Hoàng Văn Thụ - Phường 1- T.phố B.Lộc - tỉnh Lâm Đồng.

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
I.PHẦN NGHI THỨC		
1. Đón tiếp Cổ đông và đại diện cổ đông, đại biểu tham dự Đại hội, cổ đông ký vào sổ tham dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết .	7h00 – 8h00	Ô. Súy + Ô. Kem + Tổ khánh tiết
2. Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần, Đại biểu tham dự Đại hội.	8h00 – 8h10	Ông Tiên
3. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội và biểu quyết thông qua	8h10 – 8h20	Ông Hạnh
4. Biểu quyết thông qua nhân sự Chủ tọa đại hội, Thư ký, Ban kiểm phiếu.	8h20 – 8h25	Ông Huy Thanh
5. Đọc dự thảo quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, thông qua chương trình đại hội và xin Đại hội biểu quyết thông qua (hình thức: giơ tay)	8h25 – 8h35	Ông Huy Thanh
II.PHẦN NỘI DUNG		
1. Báo cáo (tóm tắt) kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019.	8h35– 8h50	Ông Súy
2. Báo cáo (tóm tắt) hoạt động của HĐQT, đánh giá giám sát của HĐQT với Ban điều hành trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019.	8h50 – 9h00	Ông Quang
3. Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán	9h00 – 9h10	Ông Tuấn
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát .	9h10 – 9h20	Ông Minh
5. Đề xuất tổng mức thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm sóat, Phân phối lợi nhuận và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019	9h20 -9h40	Ông Hiền
6. Tờ trình và dự thảo Điều lệ mới (tóm tắt) của Công ty, quy chế Quản trị Công ty (tóm tắt).	9h40 – 09h55	Ông Hiền
7. Lãnh đạo Thành phố tham dự phát biểu chỉ đạo.	09h55-10h00	Ông Hiền (giới thiệu)
8. Thảo luận tại Đại hội	10h00 – 10h25	Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận.
9. Giải trình ý kiến cổ đông	10h25- 10h35	Chủ tọa Đại hội phân công các thành viên cán bộ quản lý Công ty trả lời.
10. Biểu quyết các nội dung chương trình của Đại hội : - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019; - Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; - Tổng mức thù lao HĐQT & BKS năm 2019; - Phân phối lợi nhuận 2018 và hình thức chia cổ tức;	10h35- 10h45	Chủ tọa Đại hội điều hành.

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
- Lựa chọn đơn vị Kiểm toán năm 2019; - Điều lệ Công ty, - Quy chế Quản trị Công ty.		
11. Nghỉ giải lao, Tổ kiểm phiếu làm việc và báo cáo kết quả	10h45-11h00	Ông Thắng +Thành viên Ban kiểm phiếu
12. Thông qua biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019	11h00- 11h10	Ông Dũng +Thư ký
13. Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019	11h10- 11h15	Chủ tọa Đại hội điều hành.
III.BẾ MẠC ĐẠI HỘI	11h15-11h30	Chủ tọa Đại hội.
1. Chi tiền ăn trưa cho cổ đông tham gia Đại hội và Quý đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.	Từ 11h30	Phòng KT + Tổ khánh tiết

Tài liệu đính kèm trong Website Công ty: http://congtydothibaoloc.com *mục* ***"quan hệ cổ đông"***

- *Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;*
- *Dự kiến chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;*
- *Dự kiến chủ tọa đại hội, thư ký, ban kiểm phiếu;*
- *Dự thảo quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;*
- *Quyết định thành lập ban tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2019;*
- *Báo cáo KQ HĐ SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019;*
- *Báo cáo hoạt động của HĐQT, đánh giá giám sát của HĐQT với Ban điều hành trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019;*
- *Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;*
- *Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát;*
- *Đề xuất phân phối lợi nhuận và hình thức chia cổ tức năm 2018;*
- *Đề xuất tổng mức thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm sóat năm 2019 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019;*
- *Tờ trình của HĐQT V/v Xây dựng lại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty CP CTĐT Bảo Lộc;*
- *Dự thảo Điều lệ của Công ty;*
- *Dự thảo Quy chế quản trị của Công ty;*
- *Mẫu giấy ủy quyền, giấy đăng ký cổ đông tham dự Đại hội gửi về Công ty;*
- *Phiếu mẫu biểu quyết (Phiếu biểu quyết chính thức phát cho cổ động trước lúc khai mạc đại hội);.*
- *Mẫu biên bản họp nhóm cổ đông;*
- *Dự thảo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.*

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
Địa chỉ: 261 Hoàng Văn Thụ -P1 –Bảo Lộc
Mã số thuế: 5800001347

Số: /QC-CTy
(Dự thảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày tháng 4 năm 2019

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 29/6/2017.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc năm 2019.

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Điều kiện tham dự, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông:

A. Điều kiện tham dự

Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông là 10/4/2019.

B. Quyền của các cổ đông tham dự Đại hội

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

2. Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

3. Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội. Để đảm bảo hoàn toàn chương trình Đại hội và quyền lợi cổ đông, nhóm cổ đông lớn, cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình cho cổ đông hoặc nhóm của mình.

4. Tại Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu bầu, phiếu biểu quyết nộp cho Ban thẩm tra tư cách cổ đông *(ghi mã số cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình và người ủy quyền cho mình)*. Phiếu này cổ đông sử dụng để biểu quyết, bầu cử và tham gia phát biểu ý kiến trong đại hội. Giá trị biểu quyết của phiếu biểu quyết mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

5. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội.

6. Cổ đông đến Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7. Khi muốn phát biểu ý kiến cổ đông ghi ra giấy chuyển đến Thư ký đại hội đăng ký, các ý kiến phát biểu tại Đại hội phải tuân thủ Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành, không được lợi dụng tư cách cổ đông tham dự Đại hội để xúc phạm danh dự cá nhân, làm giảm uy tín các nhân và tập thể. Thư ký sắp xếp ý kiến của các cổ đông theo thứ tự từ cổ đông có cổ phần lớn tới nhỏ để Chủ tọa đại hội mời phát biểu theo hướng nêu trên và chỉ phát biểu sau khi được Chủ tọa mời. Để đảm bảo chương trình của đại hội, cổ đông chuẩn bị nội dung ý kiến phát biểu ngắn gọn, rõ ràng và thời gian một lần phát biểu không quá 10 phút. Các ý kiến của cổ đông được Chủ tọa đại hội phân công các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý Công ty trả lời tại đại hội. Các ý kiến chưa được trả lời tại đại hội *(do thời gian hoặc các vấn đề cần phải tra cứu, rà soát, đối chiếu vv ...)* sẽ được Chủ tịch HĐQT trả lời sau bằng văn bản và thông báo cho Cổ đông đăng ký .

C. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

1. Tham gia hoặc ủy quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp hành Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty.

2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.

3. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

4. Nghiêm túc chấp hành quy chế tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại đại hội.

5. Trong suốt quá trình diễn ra đại hội, các cổ đông tham dự đại hội không sử dụng điện thoại di động trong hội trường. Các cổ đông tham dự đại hội tắt chuông điện thoại di động, nếu có nhu cầu cần thiết ra ngoài hội trường nói chuyện điện thoại. Các cổ đông tham dự đại hội không nói chuyện riêng ảnh hưởng đến sự tập trung của các cổ đông khác và chất lượng đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự đại hội

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự đại hội do Ban tổ chức đại hội đề cử, Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự đại hội nhận giấy tờ cổ đông đến họp; Phát các tài liệu và phiếu biểu quyết; Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tọa, Ban thư ký .

1. Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc thành lập Ban tổ chức Đại hội, thành viên Ban tổ chức đề cử danh sách: *chủ tọa đại hội, thư ký và Ban kiểm phiếu* để đại hội thông qua.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc là chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Chủ tọa quyết định về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao.

4. Chủ tọa Đại hội tiến hành các công việc mà họ thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để hòan thành chương trình của Đại hội.

5. Chủ tọa có thể điều chỉnh chương trình Đại hội đã được thông qua nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ và kết thúc đúng thời gian dự kiến để Đại hội thành công tốt đẹp.

6. Chủ tọa có quyền không trả lời, giải thích cho các cổ đông các ý kiến của cổ đông đã được TV HĐQT, các thành viên liên quan giải đáp tại các đại hội trước đây.

7. Chủ tọa Đại hội có quyền áp dụng các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự cho Đại hội để Đại hội tiến hành hợp lệ mà không cần lấy ý kiến của cổ đông.

8. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Tổ chức *(Ghi chép trình tự diễn biến Đại hội; Ghi lại ý kiến đóng góp của Đại biểu, chủ tọa và các cổ đông trong suốt quá trình diễn ra Đại hội; Tổng hợp kết quả biểu quyết trước Đại hội; Lập Biên bản Đại hội, ...)*

CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông là 10/4/2019.

Điều 8: Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông sẽ được tổ chức với thời gian một buổi và thông qua các nội dung chính:

- Thông qua danh sách Chủ tọa đại hội; thư ký; ban kiểm phiếu; Quy chế và chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 .
- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018. Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019;
- Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT, đánh giá giám sát của HĐQT với Ban điều hành trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019;
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
- Đề xuất tổng mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2019;
- Đề xuất phân phối lợi nhuận và hình thức chia cổ tức năm 2018;
- Đề xuất việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019;
- Thông qua Điều lệ mới của Công ty;
- Thông qua Quy chế quản trị Công ty;
- Thảo luận và biểu quyết các nội dung của Đại hội .
- Thông qua biên bản Đại hội.

Tài liệu Đại hội: Các tài liệu liên quan đến Đại hội cổ đông đã được đăng tải trên website của Công ty **http://congtydothibaoloc.com** - mục **"quan hệ cổ đông"** và cung cấp bổ sung cho các cổ đông tại bàn Đăng ký cổ đông. Ngoài tài liệu nêu trên, tất cả các tài liệu khác đều được coi là không hợp lệ.

Để đảm bảo chương trình, nội dung cơ bản của Đại hội đúng kế hoạch Chủ tọa Đại hội có thể đề xuất Đại hội để các cổ đông tự nghiên cứu một số báo cáo tại Đại hội.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 9: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp phải được thông qua từ 65% trở lên tổng cổ phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản đại hội. Biên bản đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc đại hội và được lưu giữ vào sổ biên bản của Công ty.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 11: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 không thành:

1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại Điều 7 Quy chế này, thì việc triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo qui định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

3. Chỉ có Đại Hội đồng cổ đông mới có biểu quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp tại quy định Điều 139 – Luật doanh nghiệp 2014.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Quy chế này gồm 6 Chương 12 Điều, có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2019 ./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
Địa chỉ: 261 Hoàng Văn Thụ - P1 – Bảo Lộc
MST: 58.0000.1347

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày tháng 4 năm 2018

DỰ THẢO
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI, THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc được tiến hành và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, thực hiện nguyên tắc công khai, dân chủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của tất cả các cổ đông, đề nghị Đại hội biểu quyết Chủ tọa đại hội, Thư ký và Ban kiểm phiếu. Danh sách được đề xuất như sau:

I. Chủ tọa đại hội:

1. Ông: Hoàng Văn Quang - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông: Lê Kim Hiền - Thành viên HĐQT – Giám đốc Cty.
3. Ông: Phan Huy Thanh - Thành viên HĐQT.

II. Thư Ký :

1. Ông: Hồ Đình Dũng - Thư ký công ty – Trưởng phòng KH-KT
2. Bà: Bùi Thị Hải Yến - TV Ban kiểm soát - Nhân viên phòng KT

III. Ban kiểm phiếu:

1. Ông: Trần Chí Thắng - GĐ XN VSMT – Trưởng ban
2. Ông: Nguyễn Đức Hạnh - TV Ban kiểm soát – ĐT. Đội CVCX – Phó ban
3. Ông: Nguyễn Trọng Ân - Phó trưởng Phòng KH-KT – Thành viên
4. Ông: Đinh Công Văn - Kế toán viên – Thành viên.

Xin Quý Cổ đông cho biểu quyết bằng hình thức giơ tay.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 43 /BC-CTy

Bảo Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

A. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC.

1. Nhiệm vụ hoạt động của Công ty bao gồm:

Lĩnh vực hoạt động công ích: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng); trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa; xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh; xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng; xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước, duy tu bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sửa chữa cơ khí nhỏ, rửa xe, bơm dầu nhớt; khai thác, chế biến vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi...);; tổ chức quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; kinh doanh phát triển nhà, quản lý, cho thuê nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước được giao quản lý; tư vấn, đầu tư, thi công, quản lý điều hành các dự án cầu, đường giao thông đến cấp 2, công trình điện dưới 35KV, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước, công viên, cây xanh đô thị.

Mục tiêu hoạt động của Công ty: Hoạt động trong các ngành, nghề phù hợp và pháp luật không cấm; nhằm mục đích nâng cao hiệu quả phục vụ xã hội và lợi nhuận, đem lại lợi ích ngày càng cao cho nhà nước, cho công ty, cho người lao động và cho cổ đông.

2.Tổ chức quản lý:

- Đại hội cổ đông.
- Hội đồng quản trị (5 thành viên), Ban kiểm soát (3 Thành viên)
- Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng, phó các phòng và đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty.

3.Tổ chức lao động: Tổng số lao động trong danh sách: **159 người**.

- Chủ tịch HĐQT: 1 người.
- Ban giám đốc + Kế toán trưởng: 4 người.
- Các Phòng chức năng (P.KH-KT, P.KT, P.TC-HC): 18 người.
- Các đơn vị sản xuất: 136 người.
  + Xí nghiệp Dịch vụ Môi Trường: 74 người
  + Đội Công viên - Cây xanh: 28 người
  + Đội chiếu sáng đô thị: 15 người
  + Đội xây lắp đô thị: 18 người
  + Xí nghiệp VLXD : 01 người

4.Tổ chức Đảng, Đoàn thể:

Đảng bộ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc gồm: 05 chi bộ trực thuộc với 44 Đảng viên (trong đó có 3 đảng viên dự bị)

Công đoàn cơ sở Công ty có 159 đoàn viên (tính từ thời điểm báo cáo). Đoàn Thanh niên có 30 đoàn viên.

5.Thuận lợi - khó khăn:

5.1. Thuận lợi:

Công ty luôn đón nhận sự quan tâm của Thành ủy, UBND thành phố, các đoàn thể; chính quyền địa phương và nhân dântrong việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty kế thừa; phát huy những thế mạnh, những thành quả, những bài học trong quản lý điều hành; những cơ sở vật chất, kỹ thuật đã tích lũy trong hơn 20 năm qua.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên; người quản lý điều hành, người lao động phát huy được trình độ chuyên môn tay nghề, có kinh nghiệm thực tiễn; đoàn kết, quyết tâm xây dựng công ty ngày càng phát triển và phát triển bền vững.

5.2 Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty còn gặp những khó khăn cụ thể như sau:

Tình hình biến động khó lường về kinh tế của khu vực, trong nước, trong tỉnh , biến động về giá cả vật tư nguyên liệu,vật liệu ...vv.Nguồn ngân sách đầu tư cho hoạt động công ích chưa theo kịp nhu cầu kiến thiết cho một đô thị loại 3 đang phấn đấu trở thành đô thị loại 2 trong tương lai gần

Phong tục tập quán; nếp sống và nhận thức về công tác bảo vệ môi trường của một số hộ dân chưa theo kịp những quy định về bảo vệ môi trường; bảo vệ hạ tầng kỹ thuật đô thị còn có những hành vi đập phá hạ tầng giao thông, bắn vỡ đèn chiếu sáng, đèn THGT, dán giấy quảng cáo tại các trụ đèn trộm cắp dây điện, thiết bị chiếu sáng; tự ý chặt phá, đốn hạ cây xanh, đập phá các thiết bị ở viên công viên, nơi công cộng...vv

Nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly; do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan đã nhiều lần phải ngưng tiếp nhận rác; việc này gây rất nhiều khó khăn, phiền hà cho Công ty và thành phố, nó vừa ảnh hưởng đến tình hình xã hội, vừa ảnh hưởng đến doanh thu dịch vụ môi trường.Tình trạng này không được chấn chỉnh còn tiếp diễn thì hậu quả khôn lường, nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Công tác vận động thu tiền dịch vụ VSMT và thu gom rác cũng gặp khó khăn do một số hộ dân chưa thấu hiểu, đồng thuận, chia sẻ. Thành phố chưa có bãi xử lý rác thải công nghiệp, rác xây dựng nên rất lúng túng trong việc hướng dẫn, thu gom và xử lý các loại rác như trên.

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018

I. Lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ cụ thể:

1.Hoạt động công ích: Tổng giá trị đã thực hiện: **39,920/39,156 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch.** *Trong đó:*

- Xây lắp đô thị: 6,154 tỷ đồng /6,100 tỷ đồng đạt 100,9% kế hoạch.
- Vệ sinh môi trường: 21,572 tỷ đồng /20,756 tỷ đồng đạt 101,6% kế hoạch.
- Công viên cây xanh: 5,040 tỷ đồng /5,017 tỷ đồng đạt 104,5% kế hoạch.
- Chiếu sáng đô thị: 7,153 tỷ đồng /7,283 tỷ đồng đạt 98,2% kế hoạch.

*** Thu giá dịch vụ môi trường:** 7,062 tỷ/6,3 tỷ đồng đạt 112,1% kế hoạch.

2. Hoạt động xây dựng cơ bản.

a. Dự án công Viên Hồ Đồng Nai.

Công tác giải phóng mặt bằng: Vừa qua đã giải tỏa được hộ bà Đinh Thị Trung.

Công ty đang chờ điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh tổng mức đầu tư và xem xét bố trí nguồn vốn để tiếp tục triển khai phần khối lượng công việc của các gói thầu thuộc dự án.

b. Dự án đường Lý Thường Kiệt II, Phường Lộc Phát.

Công ty đang chờ tiến hành giải tỏa hộ bà Nguyễn Thị Duyên; tại vị trí ngã tư giao lộ Đào Duy Từ - Nguyễn Đình Chiểu để đơn vị thi công tiếp tục hoàn thiện phần khối lượng còn lại, tiến hành quyết toán hoàn thành công trình.

c. Công trình khu dân cư Nguyễn Khuyến: đang triển khai thực hiện theo văn bản số 1867/UBND của UBND thành phố ngày 10/9/2018 V/v xử lý hệ thống thoát nước mặt công trình khu tái định cư CB – CNV trường TH kỹ thuật và dạy nghề Bảo Lộc.

d. Công trình nâng cấp, cải tạo đường Lê Hồng Phong (khu vực chợ cũ Bảo Lộc): Đã thi công hoàn thành 100% khối lượng. Đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016,

e. Công trình trồng cây xanh, thảm cỏ tại bệnh viện II Lâm Đồng (cơ sở mới): đã hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán nghiệm thu công trình bàn giao cho đơn vị chủ quản là Bệnh viện II Lâm Đồng.

III. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2018:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu: *(ĐVT: triệu đồng)*

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.300	40.765	86,2%
1.1	*Hoạt động công ích (bao gồm thu giá dịch vụ mt)*	*31.900*	*39.111*	*122,6%*
1.2	*XDCB, hoạt động khác,...*	*15.400*	*1.654*	*10,7%*
2	Nộp NSNN	3.482	3.689	105,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.836	2.360	128,5%
4	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	6,9	7,0	101%

2. Đánh giá về việc điều hành hoạt động SXKD trong năm 2018.

Các đơn vị trực thuộc Công ty đã phát huy năng lực, trách nhiệm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao trong năm. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, điều hành.

Hoạt động công ích của Công ty: Trong năm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, doanh thu vượt kế hoạch; được đánh giá có nhiều tiến bộ, có nhiều khởi sắc và phát triển.

Hoạt động sản xuất kinh doanh khác: Đạt tỷ lệ thấp do các nguyên nhân khách quan , chủ quan, do các quy định về đấu thầu công trình, dự án..vv. Hợp đồng hợp tác ba bên khai thác Mỏ đá ngừng hoạt động, đến nay vẫn còn đang giải quyết những tồn tại.

Tóm lại : Năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra; phát huy nguồn vốn Nhà nước, vốn cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách, đảm bảo quyền lợi cho người lao động; cuối năm có đủ cơ sở để đề nghị Đại hội đồng cổ đông chia cổ tức cho cổ đông , Công ty đã chấm dứt mạch thua lỗ, làm ăn có lợi nhuận, có cổ tức.

3. Công tác tổ chức lao động - tiền lương:

Công ty đã vận dụng kịp thời chính sách, chế độ tiền lương theo các văn bản của nhà nước; từng bước ổn định, nâng cao mức thu nhập của người lao động, thu hút người có chuyên môn, nghiệp vụ,có tay nghề đến làm việc ở Công ty. Tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi cần có chính sách tiền lương hợp lý hơn. Người Quản lý công ty nhận thức được lực lượng lao động là tài sản quý giá của Công ty; Công ty đã chú ý bồi dưỡng, đào tạo, động viên để Người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

4. Tình hình tài chính phục vụ hoạt động SXKD:

Công tác tài chính: luôn phục vụ hoạt động SXKD kịp thời. Công tác hạch toán kế toán được thực hiện đúng quy định đáp ứng yêu cầu của Ban quản lý Công ty, yêu cầu của cơ quan chức năng và đơn vị kiểm toán.

Trong thời gian tới khắc phục việc lịch sử để lại; phòng Kế toán chủ động hơn, kiên quyết hơn trong công tác thu hồi công nợ. Duy trì tốt khâu tiết kiệm chi phí, ưu tiên bố trí vốn cho lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh để làm ra nhiều lợi nhuận.

Trong giai đoạn hiện nay Công ty đã lên sàn giao dịch chứng khoán nên phải phân tích và báo cáo tài chính kịp thời; làm tốt công tác tham mưu cho Lãnh đạo nắm rõ thực trạng tình hình tài chính phục vụ khâu điều hành, quản lý Công ty.

5. Công tác đầu tư XDCB:

Trong năm công tác XDCB, thực hiện thi công các Công trình còn chậm tiến độ do các nguyên nhân như: Công tác giải phóng mặt bằng chậm; vốn bố trí chưa kịp thời, công ty thiếu chủ động trong khâu tổ chức thực hiện và thanh quyết toán hoàn thành. Mặt khác do các quy định về luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Nghị định 63/2014/NĐ-CP và NĐ 39/2018/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nên Công ty khó có thể làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công nên không đạt được chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đề ra.

6. Công tác mua sắm trang thiết bị:

Công ty đã mua thêm 01 xe ép rác chuyên dùng để tăng cường công tác vận chuyển, tăng cường năng lực của Công ty. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc định kỳ theo đúng quy định. Tuy nhiên một số máy móc đã cũ nên ảnh hưởng trong quán trình thi công, cần có kế hoạch đầu tư thêm. Trong thời gian tới cần cải tiến phương thức quản lý điều hành xe máy, trang thiết bị của Công ty.

7. Công tác Đảng, Đoàn thể

Trong năm qua tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ; Công đoàn, Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong Công ty đồng hành với HĐQT, ban quản lý tạo nên sự đồng thuận đưa hoạt động của Công ty phát triển đi lên.

IV. Những tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2018; Hoạt động SXKD của Công ty còn bộc lộ những tồn tại cần nhanh chóng điều chỉnh khắc phục như sau:

1. Công tác dự báo, nắm bắt diễn biến tình hình: Cần phải nhanh nhạy, chính xác, phải tiên lượng được những khó khăn, rủi ro trong mọi lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Công ty để tìm ra những giải pháp ứng phó kịp thời, HĐSXKD đạt hiệu quả cao hơn.

2. Công tác quản lý điều hành: Công tác chỉ đạo, điều hành của một số cán bộ quản lý trong Công ty đôi lúc còn bị động, chậm trễ chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Tiến độ thực hiện một số công trình còn chậm chưa kịp thời gian quy định kể cả khâu thi công, khâu cập nhật số liệu, chứng từ và thanh quyết toán, cần phải chấn chỉnh ngay.

3. Việc thực hiện Nội quy, quy định: Đại đa số chấp hành nghiêm; bên cạnh đó còn có những biểu hiện chưa thật nghiêm túc trong việc chấp hành giờ giấc, hiệu quả công viêc chưa cao, chưa tận dụng thời gian thực hiện công việc; yêu cầu đặt ra trong thời gian tới bộ phận quản lý, điều hành phải là tấm gương sáng mẫu mực về mọi mặt.

4. Công tác đối chiếu, xác nhận, thu hồi công nợ: Đã tích cực triển khai nhưng kết quả đạt được chưa cao; trong thời gian tới phải xây dựng kế hoạch cụ thể, mời những người liên quan vào cuộc, có giải pháp khuyến khích người tích cực và có chế tài nghiêm minh.

5. Công tác bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa xe máy thiết bị: Công ty phải xây dựng kế hoạch cụ thể, khắc phục tình trạng đưa vào sửa chữa kéo dài ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng Kế hoạch kỹ thuật tham mưu xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt khâu bão dưỡng sửa chữa xe máy.

6. Công tác tổ chức bán đấu giá thanh lý tài sản, vật tư, thiết bị tại Mỏ đá: Đến nay vẫn chưa xong, chưa thanh lý được Hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Mỏ đá. Ban thanh lý phải vào cuộc quyết liệt, chủ động có biện pháp giải quyết cho xong trong quý II năm 2019

7. Ban giám đốc Công ty: Kiến nghị việc bố trí diện tích đất để làm bãi lưu trữ rác dự phòng khi lò đốt rác của Công ty CP môi trường xanh Friendly ngưng không thu nhận rác, tránh tình trạng như đã diễn ra. Đồng thời đề nghị thành phố bố trí nơi tập kết rác xây dựng, rác cây xanh; để khắc phục tình trạng người dân đổ bừa bãi và đổ trộn lẫn vào rác sinh hoạt gây khó khăn cho việc thu gom và xử lý.

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2019:

I. Phương hướng, nhiệm vụ của Công ty

Phát huy những kết quả Hoạt động SXKD đã đạt được trong năm 2018; phấn đấu hoàn thành kế hoạch Hoạt động SXKD năm 2019. Xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng doanh thu,đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội; bảo đảm công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận, chia cổ tức cho cổ đông.

Thực hiện bằng được hai nhiệm vụ chiến lược của Công ty:

Một là: Bảo đảm hoàn thành thật tốt công tác Hoạt động công ích; làm nền tảng vững chắc thúc đẩy hoạt động kinh doanh

Hai là: Mở rộng hoạt động đa ngành nghề trong đó ưu tiên mảng Xây dựng cơ bản; phát huy năng lực của người lao động có chuyên môn, có tay nghề kỹ thuật vốn là thế mạnh là tài sản vô giá của Công ty; phấn đấu tăng cao doanh thu, bảo đảm việc làm, nâng cao lợi nhuận, lấy lại thương hiệu của Công ty

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Về công tác Hoạt động công ích:

Chiếu sáng đô thị: Quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị theo hướng tiết kiệm điện năng tiêu thụ. Tiếp tục thực hiện Quyết định 929/QĐ-UBND và Quyết định 684/QĐ-UBND (tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và đồng thời có sự điều chỉnh cho phù hợp với tiêu chí chiếu sáng đô thị hiện nay).

Từng bước phát huy năng lực tay nghề của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên ngành kỹ thuật điện; Hợp đồng thiết kế, thi công , xây dựng các công trình về điện, về chiếu sáng công cộng, chiếu sáng nghệ thuật của thành phố và địa phương lân cận.

Công viên - cây xanh: Phát huy hơn nữa việc duy trì, chăm sóc và bảo vệ các công viên, cây xanh; chăm sóc thảm cỏ, bồn hoa, bồn cây lá màu, bồn cây đường viền - hàng rào. Xây dựng công viên; cải tạo bồn hoa các khuôn viên, dải phân cách, hoa viên tại các tuyến đường, khu vực trong thành phố để tạo nên sắc màu, tạo điểm nhấn riêng biệt cho hệ thống cây xanh tại thành phố Bảo Lộc theo tiêu trí Xanh – Sạch – Sáng – Đẹp.

Lập kế hoạch đẩy mạnh công tác ươm giống hoa màu, cây thời vụ để phục vụ cho việc trồng dặm, trồng bổ sung, trồng thay thế trên toàn thành phố Bảo Lộc; tiến tới làm thêm các dịch vụ cung cấp hoa cây cảnh cho địa phương, thiết kế thi công các hoa viên cho các doanh nghiệp, công sở , trường học trên địa bàn thành phố và các địa phương lân cận.

Duy tu bảo trì hệ thống giao thông: Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra để phát hiện kịp thời những điểm tập kết vật liệu, xà bần trái quy định để có biện pháp xử lý, không để tình trạng ngập úng, mương cống tắc nghẽn, bốc mùi hôi thối; bảo đảm luôn luôn đường thông hè thoáng.

Phát huy tay nghề kỹ thuật của Cán bộ quản lý, người lao động tìm thêm việc làm cho người lao động nhằm tận dụng thời gian nhàn dỗi, tăng thu nhập cho người lao động đóng góp doanh thu cho Công ty. Tổ chức tìm kiếm ký kết các hợp đồng tổ chức thi công các công trình, khắc phục tình trạng người lao động của Công ty đi làm thuê cho các cá nhân, doanh nghiệp khác.

Vệ sinh môi trường: Tiếp tục thực hiện Quyết định 929/QĐ - UBND và Quyết định 683/QĐ - UBND (Ban giám đốc xí nghiệp chủ động thống kê số liệu để có cơ sở làm căn cứ đề nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền điều chỉnh cho phù hợp các chỉ số).

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát bảo đảm tốt khâu thu gom, vận chuyển, giao nhận rác; tạo mối quan hệ với Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly nhằm xử lý rác sinh hoạt, rác y tế đảm bảo đúng quy trình, quy định của Pháp luật, tạo mối thân thiện, giao lưu giữa hai đơn vị cùng nhau chia sẻ khó khăn.

Trong năm 2019 đặc biệt quan tâm đến phương tiện vận chuyển, xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa xe máy để đảm bảo các xe luôn hoạt động tốt không để xảy ra sự cố chảy nước rỉ rác, chạy qúa tộc độ ..vv gây ra sự cố tạo nguyên cớ để dân chặn xe chở rác.

Tăng cường động viên Người lao động thực hiện thật tốt khâu thu gom, vận chuyển rác, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; từng bước thực hiện việc phân loại rác từ nguồn, nâng cao ý thức cộng đồng về môi trường, tạo sự đồng thuận, chia sẻ của người dân, thu nộp chi phí dịch vụ môi trường đầy đủ, kịp thời.

2. Về công tác hoạt động SXKD và công tác khác.

Các phòng ban chuyên môn trong công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đồng hành, chia sẻ cùng các đơn vị trực thuộc để nắm bắt kịp thời kết quả hoạt động SXKD; làm cơ sở tham mưu cho Ban giám đốc điều hành, chỉ đạo công tác hoạt động SXKD sao cho đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, kịp thời khắc phục những tồn tại, yếu kém.

Tăng cường công tác thu hồi nợ, đảm bảo tài chính công ty luôn lành mạnh và chủ động đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD của Công ty. Tìm kiếm và thu hút các nguồn đầu tư mới, các công trình, dự án tăng doanh thu lợi nhuận, công ăn việc làm.

Trong lĩnh vực xây dựng cơ bản cần tăng cường công tác quan hệ, mở rộng thị trường, tham gia đấu thầu, nhận thi công các dự án, công trình trong phạm vi thành phố, các vùng lân cận để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Bố trí và cử cán bộ, công nhân tham gia các lớp học, lớp bồi dưỡng, lớp đào tạo để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và tay nghề để quản lý dự án, công trình và tổ chức thi công, đủ năng lực tham gia đấu thầu.

Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự đồng thuận, tạo điều kiện giúp đỡ của Thành Ủy Bảo Lộc, của UBND Tỉnh Lâm Đồng; các Sở, Ban, Ngành; UBND thành phố Bảo Lộc các phòng ban chuyên môn để có những ưu đãi, những ủng hộ doanh nghiệp. Công ty có những thị phần, những dự án, công trình để tổ chức thi công tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng lợi nhuận, bảo toàn vốn, chia cổ tức, lấy lại thương hiệu Công ty.

3. Một số chỉ tiêu phấn đấu:

ĐVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019
1.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.630
1.1.	*Hoạt động dịch vụ công ích (bao gồm giá dịch vụ)*	*34.448*
1.2.	*XDCB và hoạt động khác*	*5.000*
1.3	*Thu giá dịch vụ môi trường*	*6.182*
2.	Lợi nhuận sau thuế	2.200
3.	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	7,1

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨCTHỰC HIỆN:

1. Công tác quản lý điều hành:

Hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý (giai đoạn 2017 – 2020) thực hiện việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán trong Quý II/ 2019 đi vào hoạt động theo quy định.

Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; của HĐQT đã dược thông qua. Ban giám đốc điều hành chỉ đạo quyết liệt các bộ phận nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, tăng lợi nhuận

Kiên quyết khắc phục và có giải pháp hữu hiệu giải quyết những tồn tại trong hoạt động công ích, trong xây dựng cơ bản. Giải quyết dứt điểm việc thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên để báo cáo các cơ quan có thẩm quyền. Thực hiện có hiệu quả công tác đối chiếu xác nhận thu hồi công nợ cần có lộ trình giải quyết dứt điểm trong Quý II/2019; làm lành mạnh tình hình tài chính đáp ứng nhu cầu khi lên sàn chứng khoán.

Cải cách bộ máy tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động Công ty cổ phần hoạt động theo cơ chế của nền kinh tế thị trường. Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm túc Nội quy, Quy chế và các Nghị quyết đã ban hành.

Phát huy vai trò của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể khác; tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động theo Điều lệ và quy chế, nhằm tạo sự đồng thuận thống nhất cáo xây dựng công ty phát triển bền vững.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân; phối hợp với các phòng ban thành phố, các xã, phường, đoàn thể thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, duy trì khai thác hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo trật tự đô thị trên địa bàn thành phố.

2. Đầu tư quản lý thiết bị, máy móc, nhà xưởng:

Quản lý tốt vật tư, thiết bị máy móc của công ty. Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa các loại…tránh tối đa chi phí bổ sung.

Thanh lý các tài sản, vật tư không cần dùng hoặc sử dụng kém hiệu quả, đặc biệt là các vật tư, thiết bị điện chiếu sáng không còn giá trị sử dụng.

Mua sắm thêm 01 xe 07 chổ, 01 xe ben tự đổ từ 1,5 ÷ 3 tấn để phục vụ công tác điều hành, các công việc khác mà Thành phố giao cho Công ty thực hiện.

Đầu tư xây dựng nhà để xe mới vì đã trả lại một phần diện tích đất cho Nhà nước; xây dựng lại nhà tiền chế để tiến hành ươm cây giống, các loại hoa, cây lá màu.

3. Kế hoạch tổ chức - lao động tiền lương:

Phòng tổ chức - hành chính chủ động nghiên cứu, đề xuất sửa đổi Quy chế lương thưởng cho phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước và yêu cầu thực tế; kể cả lương của các bộ phận trực tiếp, gián tiếp trong Công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc của lực lượng lao động gián tiếp, trực tiếp trong Công ty. Đồng thời xây dựng kế hoạch lao động tiền lương của người lao động và người quản lý trong năm 2019 để đăng ký quỹ lương với Sở LĐTBXH tỉnh Lâm Đồng (Theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB&XH).

Xây dựng, quy hoạch cán bộ quản lý điều hành Công ty định hướng đến năm 2025 và các năm tiếp theo. Công tác xây dựng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ của Công ty bài bản, đúng quy trình, cán bộ phải tinh thông nghiệp vụ, có bản lĩnh chính trị, liêm chính có đức, có tâm, có tài. Năm 2019, đề xuất và bổ nhiệm cán bộ quản lý, cán bộ điều hành do một số cán bộ nghỉ chế độ.

4. Về quản lý doanh thu, chi phí:

Tăng cường quản lý chặt chẽ trong việc thu chi, chú trọng các khoản thu chi lớn, thực hành tiết kiệm đạt hiệu quả cao, thực hiện nhiều biện pháp mà trọng tâm là xây dựng định mức đơn giá nội bộ (như tiền lương, sử dụng máy móc thiết bị, sử dụng chi phí chung, vật tư vật liệu, vv...). Đồng thời tăng cường tìm kiếm việc làm, tăng doanh thu.

5. Các biện pháp khác:

Cải tiến công tác lập kế hoạch, công tác tài chính - kế toán, công tác phối hợp, công tác thi đua - khen thưởng, vv…Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, các phần mềm quản lý, cập nhật kịp thời các văn bản của nhà nước để phục vụ cho Hoạt động SXKD của công ty, đặc biệt chú ý các thông tin về đấu thầu, dự thầu các công trình Xây dựng cơ bản.

IV. NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Quan tâm phê duyệt kịp thời kế hoạch thực hiện các hạng mục dịch vụ công ích đô thị năm 2019. Cải tiến việc thẩm định, phê duyệt các chủ trương, dự toán kế hoạch, quyết toán chi phí hàng năm, v.v…cho Công ty.

Quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ Công ty trên cả hai lĩnh vực công ích và xây dựng cơ bản ngoài việc đem lại doanh thu, tăng thêm thu nhập cho CB-CNV trong Công ty mà còn giúp cho lực lượng lao động kỹ thuật của Công ty được tiếp cận thực tế, nâng cao kinh nghiệm giám sát thi công và phát huy năng lực của bản thân.

Chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ về công tác giải phóng mặt bằng, bố trí vốn để công ty thi công hoàn thiện các hạng mục còn lại.

Khẩn trương chọn một vị trí đất phù hợp để xây dựng bãi xử lý rác mới, dự phòng khi nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly bảo trì sửa chữa và là nơi để tập kết rác xà bần, rác công nghiệp và rác cây xanh.

Trên đây là toàn bộ nội dung dự thảo Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 & Phương hướng nhiệm vụ trong năm 2019 của Công ty; trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến đóng góp để hoàn thiện thành Báo cáo tổng kết năm 2018 & Phương hướng nhiệm vụ hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2019.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đảng ủy Cty;
- TV HĐQT, BKS Cty;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Lê Kim Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
Địa chỉ: 261 Hoàng Văn Thụ -P1 –Bảo Lộc
MST: 58.0000.1347
Số: 25 /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về hoạt động năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc.

Căn cứ Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Căn cứ Nghị quyết của HĐQT tại cuộc họp ngày 7÷8 /4/2019.

HĐQT xin báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 về kết quả hoạt động năm 2018 và định hướng hoạt động năm 2019 như sau:

1. Kết quả hoạt động năm 2018:

1.1 Về cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị:

Tại Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 11 năm 2016 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 gồm 5 thành viên. Hội đồng quản trị đã bầu 01 Chủ tịch HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức danh
1	Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Huy Thanh	Thành viên HĐQT
3	Đỗ Hữu Súy	Thành viên HĐQT
4	Lê Kim Hiền	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Duy Tiên	Thành viên HĐQT

1.2 Cơ cấu vốn Điều lệ:

Tổng vốn điều lệ: 15.582.480.000đ

Trong đó:

- Vốn nhà nước: 9.570.110.000đ, chiếm 61,42% vốn đều lệ.
- Vốn các cổ đông: 6.012.370.000đ, chiếm 38,58% vốn đều lệ.

Chia ra: Tổ chức: 289.890.000 đ , chiếm 1,86% vốn điều lệ; cá nhân 5.722.480.000 đ, chiếm 36,72% vốn điều lệ.

1.3 Về điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Năm 2018 là năm có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động của Công ty, là năm thực hiện theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài Chính về việc xây dựng lộ trình thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý

giai đoạn 2017 – 2020 và thực hiện việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty không được thuận lợi như: về lĩnh vực hoạt động công ích, Công ty gặp khó khăn trong việc xử lý rác sinh hoạt; trong năm vừa qua Công ty phải liên hệ phối hợp với các đơn vị có cùng chức năng như tại Bảo Lâm, Di Linh để tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt khi lò đốt rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly phải tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp công suất của lò làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu của Công ty nói riêng, ảnh hưởng đến tình hình vệ sinh môi trường của toàn thành phố nói chung.

- Về lĩnh vực XDCB và kinh doanh hoạt động khác: Do các quy định về luật đấu thầu số 43/2013/QH13, nghị đinh 63/2014/NĐ-CP và NĐ 39/2018/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nên theo hiện tại Công ty bị hạn chế làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công xây dựng nên doanh thu, lợi nhuận của Công ty còn hạn chế. Đồng thời Nhà nước thay đổi chủ đầu tư, thị trường kinh doanh, hoạt động của Công ty bị chia mất thị trường, công việc; chưa dứt điểm hợp tác ba bên, tài sản chưa bán đấu giá được, một số công nợ khó đòi, chưa thể thu hồi được vv…

Với trách nhiệm, nghĩa vụ theo Luật doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ theo Giấy phép kinh doanh, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông v.v… HĐQT Công ty thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, thảo luận dân chủ trong các kỳ họp (định kỳ hoặc bất thường) và đã ban hành các Quyết định, NQ để Ban điều hành Công ty thực hiện.

Các cuộc họp của HĐQT đều được ghi vào sổ Biên bản cuộc họp, tất cả các Quyết định đều được các thành viên thảo luận biểu quyết theo nguyên tắc đa số.

a. HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo, phê duyệt các phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, cơ cấu tổ chức nhân sự với sự tham gia của 100% thành viên HĐQT.

b.Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành, đều phù hợp với Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật của Nhà nước, tập trung vào việc quyết định các vấn đề quan trọng như:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, phương hướng hoạt động năm 2018. Giải pháp, hướng xử lý dứt điểm các công trình XDCB còn dỡ dang;

- Thống nhất phương án đầu tư mua thêm xe ép rác chuyên dùng và cho tiến hành sửa chữa cục bộ văn phòng Công ty, bố trí sửa chữa lại nơi làm việc các ĐVSX, xây thêm phòng lưu trữ hồ sơ tài liệu, vật tư, thiết bị, hàng hóa của các ĐVSX;

- Phê duyệt mức thù lao HĐQT, BKS Công ty và kế hoạch sử dụng chi phí chung;

- Triển khai thực hiện việc thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý giai đoạn 2017 – 2020;

- Triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Giải quyết khó khăn hoạt động của Mỏ đá, hợp tác ba bên và thành lập Ban thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Mỏ đá. Thống nhất phương án tổ chức bán đấu giá các gói sản phẩm, hàng hóa, máy móc tại Mỏ đá;

- Xin ý kiến cổ đông về việc có nên tiếp tục thuê đất tại Mỏ đá thôn 5 xã Đại Lào. Kêu gọi và kính mời các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Công ty tham gia hiến kế và đề xuất phương án kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh tại vị trí khu đất này;

- Phê duyệt phương án tổ chức nhân sự các bộ phận trực thuộc Công ty và ban hành hệ số năng lực và mức lương cán bộ quản lý chuyên trách của Công ty;

- Sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung quy chế tuyển dụng lao động, quy chế lương, thưởng; quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc và phối hợp của HĐQT, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế thực hiện dân chủ, quy chế tổ chức đối thoại định kỳ tại doanh nghiệp v.v…và các quyền lợi khác theo lương, theo quy định mới của Pháp luật hiện hành;

- Đôn đốc, chỉ đạo ban thanh lý đẩy nhanh việc đối chiếu thu hồi công nợ, tìm kiếm phương pháp hiện hữu, cách thức tiến hành,…;

- Đánh giá kết quả thực hiện kết quả hoạt động SXKD năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019;

- Đánh giá công tác kiểm kê cuối năm 2018 và phê duyệt các danh hiệu, mức khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2018, kinh phí phục vụ Tết nguyên đán;

- Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

- Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

c. Về thực hiện kế hoạch SX kinh doanh năm 2018:

Tiếp nối những kết quả đã đạt được năm 2017, cùng với sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty, cùng sự đồng lòng nhất trí của tập thể CBCNV người lao động trong đơn vị, được sự hỗ trợ và tin tưởng của các đối tác và của Quý cổ đông, Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 đã đề ra; sản xuất kinh doanh đạt lợi nhuận đề ra, bảo toàn được nguồn vốn Nhà nước, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và kiến nghị Đại hội cổ đông phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

Thống nhất như báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 & phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Ban giám đốc Công ty. Các chỉ tiêu chủ yếu:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.300	40.765	86,2%
1.1	*Hoạt động công ích (bao gồm thu giá dịch vụ mt)*	*31.900*	*39.111*	*122,6%*
1.2	*XDCB, hoạt động khác, ...*	*15.400*	*1.654*	*10,7%*
2	Nộp NSNN	3.482	3.689	105,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.836	2.360	128,5%
4	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	6,9	7,0	101%

1.4 Về thực hiện việc chi thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

- Trong năm 2018, việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS thực hiện theo đúng Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua. Tổng mức thù lao là : **235.200.000 đồng** ***(Hai trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng).*** Trong đó:

+ Thù lao cho thành viên HĐQT và trưởng BKS: **3.200.000đ/1người/1tháng.**

+ Thù lao cho thành viên BKS: **1.800.000đ/1người/1tháng.**

- Đối với chủ tịch HĐQT việc chi trả lương được thực hiện theo QĐ số 1426/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng là: **22.000.000 đ/1người/1tháng.**

1.5 Về thực hiện kết quả giám sát đối với Ban điều hành Công ty:

- Ban điều hành có 4 người, trong đó có 3 người là thành viên trong HĐQT nên mọi hoạt động của Ban điều hành được thực hiện tuân thủ theo đúng các nghị quyết của HĐQT, các chiến lược kinh doanh được truyền đạt thông suốt từ HĐQT đến Ban điều hành và CB CNV, do đó hầu hết các hoạt động SXKD của công ty được thực hiện đúng lộ trình, nên dù trong những lúc khó khăn, vướng mắc nhưng Công ty vẫn vượt qua, tạo công ăn việc làm ổn

định cho người lao động, đồng thời khẳng định thương hiệu, năng lực của Công ty trong lĩnh vực hoạt động SXKD đặc biệt là lĩnh vực hoạt động công ích.

- Ban điều hành Công ty đã tổ chức điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Ban điều hành tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát Công ty. Tình hình tài chính về cơ bản được kiểm soát tốt. Vốn Chủ hữu bảo toàn, phát triển năm sau cao hơn năm trước, hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và kiến nghị Đại hội cổ đông phân chia cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật có liên quan đến công tác quản trị doanh nghiệp và nhiệm vụ SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo, giám sát đảm bảo tiến độ và chất lượng thi công và thanh quyết toán công trình; các công tác hoạt động dịch vụ công ích được quan tâm đúng mức và giám sát chỉ đạo xử lý kịp thời.

- Giám sát việc sử dụng và quản lý tài sản; giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, việc đảm bảo chế độ theo quy định Nhà nước; điều kiện môi trường làm việc, thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, các chế độ khác đối với người lao động.

- Hình thức giám sát: Hội đồng quản trị dự họp với Bộ máy điều hành của Công ty để kiểm điểm kết quả thực hiện SXKD hàng quý. Giám sát thông qua việc kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát nội bộ Công ty.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chồng chéo đến việc điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, các đơn vị trực thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Trong năm 2018, Ban điều hành đã chủ động trong công tác tái cấu trúc mô hình, đổi mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ của công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và chế độ phúc lợi cho người lao động.

- Bổ nhiệm thêm 01 Phó giám đốc đảm nhận về việc quản lý, đầu tư các công trình xây dựng để tăng cường công tác quan hệ, mở rộng thị trường, tham gia đấu thầu, nhận thi công các dự án, công trình trong phạm vi thành phố, các vùng lân cận để tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

- Hoàn thành việc đầu tư 01 xe ép rác chuyên dụng để tăng cường công tác vận chuyển, đồng thời thể hiện năng lực của Công ty để cạnh tranh với các đối tác khác trong cùng lĩnh vực.

- HĐQT đã thống nhất thưởng lương tháng 13 của năm 2018 cho người quản lý và toàn thể người lao động có hợp đồng lao động với Công ty với tổng số tiền là 01 tỷ đồng theo đúng chế độ hiện hành và đảm bảo các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đề ra.

- HĐQT đánh giá năm 2018 Ban điều hành đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành cụ thể như: triển khai kế hoạch SXKD nhanh chóng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài ra có sự đoàn kết, quyết tâm, năng động của cán bộ quản lý và người lao động đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ đã mang lại hiệu quả cao, hoàn thành cơ bản nhiệm vụ được giao.

1.6 Đánh giá:

1.6.1 Ưu điểm

- Mặc dù có gặp những bất lợi có yếu tố khác quan, song Hội đồng Quản trị phối hợp tương đối tốt cùng Ban kiểm soát, Ban giám đốc và người lao động để ban hành các Quyết định để Ban giám đốc Công ty thực hiện, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu do Đại hội đồng

thông qua.

- Các hoạt động của Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành cũng như điều lệ Công ty; Hội đồng quản trị đã hoạt động đã hoạt động tích cực, năng động, nắm bắt tình hình, tổ chức họp thường xuyên để thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Kịp thời ban hành các quy định, quy chế..., đề ra các giải quyết để quản lý, điều hành các hoạt động Công ty và đã đạt được những kết quả cơ bản theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/4/2018 đề ra.

- Tích cực thực hiện các biện pháp để bán thanh lý tài sản, máy móc tại Mỏ đá và công ty để thu hồi vốn; tận dụng từng cơ hội để có thêm dự án tạo công ăn việc làm cho CNVC;

- Với những lo toan trong việc khẩn trương chấm dứt hợp đồng liên doanh hợp tác sản xuất vật liệu xây dựng, tổ chức bán đấu giá thanh lý tài sản, máy móc tại Mỏ đá nhằm ổn định sản xuất và mang lại hiệu quả; tận dụng từng cơ hội để có thêm dự án tạo công ăn việc làm cho CNVC; cùng với việc điều hành hoạt động công ích của Công ty gặp nhiều khó khăn trong công tác thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt tập kết về bãi rác xã Đại Lào giao cho Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly xử lý nhưng do chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc chưa đáp ứng được nhu cầu xử lý rác hiện tại nên việc xử lý rác sinh hoạt trong năm vừa qua Công ty phải liên hệ phối hợp với các đơn vị có cùng chức năng như tại Bảo Lâm, Di Linh để tiếp nhận, xử lý rác thải sinh hoạt của thành phố.

Với quyết tâm của HĐQT và Ban giám đốc điều hành nên đã có những quyết định, giải pháp đúng đắn kịp thời trong điều hành SXKD; toàn thể CBCNV trong Công ty cũng đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình với tinh thần đoàn kết, cùng nhau vượt khó, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty để đạt hiệu quả kinh doanh nêu trên.

1.6.2 Những hạn chế và một số việc chưa hoàn thành:

- Doanh thu năm 2018 đạt 86,2% so với nghị quyết đại hội năm 2018 do các quy định về luật đấu thầu số 43/2013/QH13, nghị đinh 63/2014/NĐ-CP và NĐ 39/2018/NĐ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nên theo hiện tại Công ty bị hạn chế làm chủ đầu tư hoặc tổ chức thi công xây dựng, mặt khác Mỏ đá ngừng hoạt động nên doanh thu của Công ty không đạt được chỉ tiêu Nghị quyết đại hội đề ra.

- Mỏ đá chưa bán được thiết bị, máy móc, vật tư...thanh lý, hàng hóa tồn kho.

- Các khoản công nợ thu hồi chậm .

- Một số công trình XDCB dỡ dang vướng giải phóng mặt bằng hoặc chậm tiến độ thực hiện.

- Công tác dự báo tình hình chưa tốt.

1.7 Nguyên nhân cơ bản về những hạn chế, một số việc chưa hoàn thành:

- Có sự phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng, nhưng chưa có sự phối kết hợp giữa các thành viên.

- Những khó khăn trong hợp tác sản xuất vật liệu xây dựng chưa được giải quyết. Việc tổ chức bán đấu giá, thanh lý tài sản máy móc, thiết bị và vật tư tại Mỏ đá đến nay vẫn chưa xong.

- Việc thu hồi công nợ của các đối tác còn chậm, mặc dầu HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thành lập Tổ công tác thu hồi công nợ, Ban thanh lý hợp tác sản xuất kinh doanh tại Mỏ đá.

- Nhiều sự bổ sung các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước vv... đội ngũ cán bộ quản lý chưa kịp thời nắm bắt và áp dụng có hiệu quả vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Công ty.

1.8 Phương hướng khắc phục hạn chế: Các quyết định của HĐQT trong thời gian tới sẽ tập trung vào những vấn đề cơ bản là:

- Phát huy những ưu điểm trong thời gian qua, quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cán bộ quản lý, cán bộ các phòng ban, đơn vị trực thuộc nhằm phát huy tốt vai trò

tham mưu và thực hiện chức trách, công việc của mình.

- Tập trung cho công tác công ích; ngoài ra, Công ty cần tìm kiếm thêm công việc theo ngành nghề mà Công ty đã đăng ký để tăng doanh thu, lợi nhuận. Đặc biệt là công tác đầu tư xây dựng cơ bản, tìm các công việc, hạng mục thêm đem về Công ty, chính vì lý do đó, trong năm 2019 HĐQT sẽ xem xét phương án xây dựng phương án thành lập Công ty cổ phần có góp vốn của Công ty để tham gia đấu thầu đối với các dự án dưới 5 tỷ đồng đảm bảo tuân thủ theo các quy định về luật đấu thầu số 43/2013/QH13, nghị định 63/2014/NĐ-CP và NĐ 39/2018/NĐ-CP.

- Tăng cường việc quản lý các nguồn vốn của Công ty. Thường xuyên đối chiếu, thu hồi công nợ.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị khi quyết toán và thực hiện công việc.

- Tham mưu cho UBND thành phố Bảo Lộc chọn một vị trí đất phù hợp để xây dựng bãi xử lý rác mới, dự phòng khi nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly bảo trì sửa chữa và là nơi để tập kết rác xà bần, rác công nghiệp và rác cây xanh.

2. Kế hoạch công tác năm 2019:

2.1 Cơ cấu số cổ phần:

Dự kiến tiến hành thoái vốn Nhà nước tại Công ty với các số liệu chủ yếu sau:

- Số lượng cổ phần Nhà nước thực hiện chuyển nhượng: 162.304 cổ phần tương ứng với 10,42 % vốn điều lệ thực góp;

- Giá khởi điểm để chuyển nhượng là : 15.400 đ/cổ phần (theo QĐ số 86/ QĐ-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

- Cơ cấu số cổ phần dự kiến sau chuyển nhượng là: Số lượng cổ phần của Công ty: 1.558.248 cổ phần. Trong đó:

+ Số cổ phần của Nhà nước là: 794.707 cổ phần tương ứng nắm giữ 51% vốn điều lệ thực góp;

+ Số cổ phần của cổ đông là: 763.541 cổ phần tương ứng nắm giữ 49% vốn điều lệ thực góp;

2.2 Định hướng hoạt động năm 2019:

Năm 2019 định hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc là tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. HĐQT công ty sẽ phối hợp với Ban điều hành công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp và kỷ luật lao động của cán bộ, công nhân, nâng cao năng suất lao động để gia tăng năng lực cạnh tranh và uy tín của Công ty.

- Tiếp tục kiện toàn và định biên bộ máy gọn nhẹ, giảm chi phí quản lý đồng thời đào tào, tuyển dụng mới và tăng cường đào tạo trình độ nghiệp vụ của bộ phận quản lý trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, tài chính kế toán, quản trị dự án xây lắp, tổ chức lao động tiền lương

- Yêu cầu ban điều hành rà soát, xây dựng các quy chế giao khoán nội bộ, quy chế quản lý xe máy thiết bị, quy trình mua sắm và quản lý vật tư, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tài chính Công ty trình HĐQT xem xét, ban hành.

- Đảm bảo an toàn tài chính của đơn vị, cân đối tiền vốn cho sản xuất kinh doanh và tiền vốn cho đầu tư thiết bị thi công; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, kiểm soát chi phí, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; Nâng cao hiệu quả trong SXKD và quyết liệt trong công tác đối chiếu, xác nhận, thu hồi công nợ .

- Tăng cường việc giám sát, quản lý tốt vật tư, thiết bị máy móc của công ty. Tổ chức thanh lý các tài sản, vật tư không cần dùng, không còn giá trị sử dụng.

- Đầu tư thêm 01 xe 07 chỗ để phục vụ công tác điều hành, 01 xe ben công suất 1,5- 3 tấn để phục vụ công tác duy tu, vận chuyển cây xanh vv... xây dựng 01 nhà để xe; xây dựng nhà tiền chế để ươm cây, giống hoa các loại.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đánh giá công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường trên các công trường đang thi công.

Đồng thời trong năm 2019 thực hiện theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở Tài Chính, HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết xây dựng lộ trình thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý giai đoạn 2017 – 2020 và thực hiện việc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đấy là những yếu tố đòi hỏi HĐQT, BĐH Công ty cần phải tích cực nổ lực hơn nữa trong việc định hướng, xây dựng chiến lược kinh doanh, tăng cường sức cạnh tranh với các đối tác trong các lĩnh vực Công ty đang thực hiện.

2.2.1 Các chỉ tiêu chủ yếu:

ĐVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.630
1.1.	*Hoạt động dịch vụ công ích (bao gồm giá dịch vụ)*	*34.448*
1.2.	*XDCB và hoạt động khác*	*5.000*
1.3	*Thu giá dịch vụ môi trường*	*6.182*
2.	Lợi nhuận sau thuế	2.200
3.	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	7,1

2.2.2 Các nghị quyết quan trọng phải ban hành:

- Triển khai việc thoái vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần có vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý giai đoạn 2017 – 2020;
- Triển khai việc đăng ký giao dịch và niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Phương án bổ sung nhân sự cho Ban điều hành Công ty và đề cử người đại diện nắm giữ phần vốn của Nhà nước tại Công ty;
- Chuyên đề về hoạt động xây dựng cơ bản, phương án xây dựng phương án thành lập Công ty cổ phần có góp vốn của Công ty để tham gia đấu thầu đối với các dự án dưới 5 tỷ đồng';
- Phê duyệt phương án đầu tư 01 xe 07 chổ, 01 xe ben tự đổ từ 1,5 ÷ 3 tấn để phục vụ công tác điều hành, các công việc khác mà Thành phố giao cho Công ty thực hiện. Sử dụng từ nguồn vốn khấu hao tài sản.
- Ban hành quy chế giao khoán nội bộ, quy chế quản lý xe máy thiết bị, quy trình mua sắm và quản lý vật tư, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tài chính;
- Chính sách tài chính ngắn, trung và dài hạn, những vấn đề tài chính khác của Công ty;
- Thực hiện Điểm 1.6.2;
- Tham gia đấu thầu thực hiện dự án, tìm kiếm việc làm tăng doanh thu;
- Phân phối lợi nhuận;
- Triển khai kế hoạch SXKD năm 2019;
- Tổ chức thảo luận, đề nghị với UBND thành phố Bảo Lộc khẩn trương lập dự án bãi rác dự phòng lưu giữ rác trong trường hợp nhà máy xử lý rác của Công ty cổ phần Môi trường Xanh Friendly bảo trì sửa chữa định kỳ;
- Đề xuất với Thành phố có giải pháp tổng thể và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị về vấn đề rác thải các loại trong đó có dự án bãi rác xà bần, rác công nghiệp và rác cây xanh;

Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giao cho các thành viên chuẩn bị chi tiết từng nội dung

để đưa vào thảo luận và quyết định tại các kỳ họp.

Trên đây là nội dung Báo cáo về hoạt động năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Quang

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- TV.HĐQT, BKS CTy;
- Lưu.

CTY CP CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bảo Lộc, ngày 04 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên
(ngày 24/04/2019)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 123 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 đã được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc quy định về chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP công trình đô thị Bảo Lộc lập, phát hành ngày 25/03/2019 và đã được Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt - Địa chỉ : Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh báo cáo kiểm toán độc lập tại văn bản số 0112/2019/BCTC-KTV ngày 25 tháng 03 năm 2019.

Qua quá trình theo dõi, kiểm soát tình hình điều hành, hoạt động kinh doanh năm 2018 của công ty ; Ban kiểm soát báo cáo trước đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

A. THỰC HIỆN KIỂM SOÁT NĂM 2018.

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Nhân sự Ban kiểm soát gồm 03 thành viên được bầu tại đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 6 năm 2015.

- Ban đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên, phối hợp thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị mời; Đóng góp ý kiến việc xây dựng các phương án, dự toán kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Xem xét các báo cáo tài chính, báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập.

- Ban kiểm soát luôn lắng nghe ý kiến của cán bộ, công nhân viên trong công ty, ý kiến cổ đông; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Cũng như việc chấp hành các quy định của Nhà nước và các quy định của công ty.

II. Kết quả giám sát các hoạt động.

1. Công tác quản lý, điều hành Công ty.

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị : Gồm 05 thành viên (01 chủ tịch và 04 thành viên) Chủ tịch HĐQT là ông Hoàng Văn Quang.

- Các hoạt động của Hội đồng quản trị đã tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành cũng như điều lệ Công ty; Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, năng động, nắm bắt tình hình, tổ chức họp thường xuyên để thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của công ty theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch. Kịp thời ban hành các quy định, các quy chế ..., đề ra các giải pháp để quản lý, điều hành các hoạt động công ty và đã đạt được những kết quả cơ bản theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2018 đề ra.

b. Hoạt động của Ban giám đốc điều hành: Gồm 04 thành viên (01 giám đốc, 02 Phó giám đốc và 01 KT trưởng) Giám đốc điều hành là ông Lê Kim Hiền. 02 phó là ông Đỗ Hữu Súy và ông Nguyễn Duy Tiên (Được bổ sung tại quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 31/05/2018 của Chủ tịch HĐQT). Kế tóan trưởng có ông Lưu Quang Tuấn .

- Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý triển khai thực hiện các hoạt động của Công ty trên cơ sở các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và điều lệ công ty.

- Với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, từng bước đã có sự phối kết hợp giữa các phòng ban, các cán bộ quản lý nhịp nhàng hơn trong công việc của Công ty.

-Trong năm 2018 ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2018.

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 (kết thúc ngày 31/12/2018) của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - tư vấn Đất Việt - Địa chỉ : Số 02 Huỳnh Khương Ninh, Phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Những hạn chế và những tác động lớn trong báo cáo tài chính :

a/ Còn một số đối tác giao dịch với công ty chưa thực hiện việc xác nhận công nợ về các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng; Trả trước cho người bán ngắn hạn; Phải thu ngắn hạn khác; Phải trả người bán ngắn hạn; Người mua trả tiền trước ngắn hạn; Phải trả ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2018.

b/ Thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu khó đòi quá hạn theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của bộ Tài chính khoản công nợ khó có khả năng thu hồi là : 668.746.250 đ. Trong đó có khoản nợ của cty Nam Việt 233.877.250đ (chưa được xử lý dứt điểm trong hợp đồng hợp tác 3 bên).

c/ Thực hiện văn bản 6608/UBND-TH2 ngày 04/10/2017 của UBND Tỉnh Lâm Đồng v/v dừng hoạt động khai thác đá làm VLXD thông thường tại Mỏ đá thôn 05, xã

Đại Lào, TP.Bảo Lộc vì lý do : Không đảm bảo điều kiện cấp phép khai thác và hiệu quả kinh tế thấp theo đề xuất của Sở Tài chính tại văn bản 2229/STC ngày 14/09/2017 là cơ sở thuận tiện cho Cty rà soát, xử lý tồn đọng trong hợp đồng liên kết 3 bên với Cty TNHH Nam Việt và Cty TNHH Trường Vũ để đi đến thanh lý hợp đồng liên doanh mỏ đá; Nhưng đến nay cũng chưa xử lý xong tồn đọng của HĐ và chưa đánh giá được hiệu quả của việc góp vốn hợp tác kinh doanh, phân chia lợi nhuận (lãi, lỗ) và việc bảo toàn vốn góp nên có khả năng còn tiềm ẩn sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính của niên độ kế tiếp.

* Có một số sai sót mà Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Đất Việt thống nhất với số liệu của công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Mục Tiêu (Kiểm toán 06 tháng đầu năm 2018) đã xác định là ảnh hưởng đến chi phí, nghĩa vụ thuế và lợi nhuận ... niên độ kế toán 2017 (Trong đó có phần điều chỉnh của kiểm toán nhà nước tại biên bản kiểm toán 04/05/2018) nên đã xử lý điều chỉnh số dư đầu kỳ của báo cáo tài chính 2018 (Số liệu cuối kỳ 2017 của Cty TNHH kiểm toán và tư vấn THT đã kiểm toán và báo cáo tại tại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/04/2018).

- Ngoài những hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ảnh đầy đủ tình hình tài chính, tình hình hoạt động SXKD của công ty năm 2018 theo các biểu mẫu báo cáo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban kiểm soát báo cáo một số chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

a/ Tình hình tài chính của Công ty.

TT	Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2018	
		Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)
A	**Tổng tài sản**	**36.310.856.932**	**100**
I	***Tài sản ngắn hạn***	25.701.461.078	71
II	***Tài sản dài hạn***	10.609.395.854	29
B	**Tổng nguồn vốn**	**36.310.856.932**	**100**
I	***Nợ phải trả***	**17.572.913.280**	48
1	Nợ ngắn hạn	17.572.913.280	
2	Nợ dài hạn		
II	***Nguồn vốn chủ sở hữu***	**18.737.943.652**	52
1	*Vốn chủ sở hữu*	18.576.946.082	
a	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	*15.582.480.000*	
b	Quỹ đầu tư phát triển	*56.695.104*	
c	Quỹ dự phòng tài chính		
d	Lợi nhuận chưa phân phối	*2.937.770.978*	
2	*Nguồn kinh phí và các quỹ*	160.997.570	

b/ Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2018
A	B	C	2
1	Doanh thu thuần bán hàng	Đồng	40.765.244.538
2	Tổng chi phí	Đồng	37.387.254.204
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.377.990.334
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	1.017.186.089
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	2.360.804.245

c/ Lợi nhuận phân phối.

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2018
A	B	C	2
	Lợi nhuận 2018 để lại chưa phân phối	*Đồng*	*231.784.774*
	- Khoản Lãi trả L/doanh (1.462.097 x 56%)	Đồng	818.774
	- Khoản trả Cty Cao nguyên xanh (Xử lý rác y tế)	Đồng	230.966.000
	Lợi nhuận năm 2018 đươc phân phối	*Đồng*	*2.129.019.471*
	Lợi nhuận năm 2017được phân phối tiếp	*Đồng*	*405.932.077*
1	Lợi nhuận lũy kế được phân phối năm nay	Đồng	2.534.951.548
	- Trích lập các quỹ theo quy định	Đồng	887.233.042
	- Lợi nhuận phân phối/CP	Đồng	1.647.718.506
2	Lãi p/phối trên CP (1.558.248CP)	Đồng/CP	1.057,42

Với những quyết tâm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành nên đã có những quyết định, giải pháp đúng đắn, kịp thời trong điều hành SXKD; Toàn thể CBCNV trong công ty cũng đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trên tinh thần đoàn kết, cùng nhau vượt khó, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty nên đã đạt được kết quả kinh doanh nêu trên.

- Các chỉ tiêu đề ra về doanh thu , lợi tức của Đại hội :

TT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2018	TH năm 2018	% đạt
1	Doanh thu thuần bán hàng	Đồng	47.300.000.000	40.765.244.538	86
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.836.000.000	2.360.804.245	129
3	Lợi nhuận phân phối/CP	Đồng		1.647.718.506	

Doanh thu đạt 86 %, Lợi nhuận sau thuế đạt 129 % so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2018 đề ra. Đây cũng là sự cố gắng đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành công ty thời gian qua.

III. Kiến nghị của Ban kiểm soát.

1. Tăng cường việc quản lý các nguồn vốn; Thường xuyên đối chiếu, phân loại công nợ để kịp thời thu hồi nhằm chủ động về vốn cho kinh doanh và lành mạnh tình hình tài chính. Đặc biệt chú trọng khoản trả trước cho người bán; Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và thu khác.

2. Cần bổ sung hoàn thiện phần chi tiết trong báo cáo tài chính 2018;

3. Tập trung cho công tác công ích; Ngoài ra Công ty cần tìm kiếm thêm công việc theo ngành nghề mà công ty đã đăng ký để tăng doanh thu, lợi nhuận.

4. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa các phòng ban, đơn vị khi giải quyết và thực hiện công việc.

5. Giải quyết dứt điểm tồn đọng của HĐ liên doanh (Thanh lý TS, vật tư & công nợ) và đánh giá hiệu quả của việc góp vốn hợp tác kinh doanh cũng như việc bảo toàn vốn góp trong năm 2019.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019.

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của ban kiểm soát quy định tại điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị mời tham dự.
- Tiến hành thường xuyên các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát.
- Tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ các mặt hoạt động và tình hình tài chính công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Phạm Văn Minh

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông "B/cáo";
- Lưu BKS.

Vietland®
Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

02 Huynh Khuong Ninh St., Da Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-28) 3910 5401
Fax : (84-28) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	*Chức vụ*
Hội đồng quản trị	
Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Lê Kim Hiền	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Súy	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tiên	Thành viên
Ông Phan Huy Thanh	Thành viên
Ban kiểm soát	
Ông Phạm Văn Minh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên
Ban Giám đốc	
Ông Lê Kim Hiền	Giám đốc
Ông Đỗ Hữu Súy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Tiên	Phó Giám đốc

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Lê Kim Hiền, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

LÊ KIM HIỀN - Giám đốc
Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Vietland Limited
Số : 0112/2019/BCTC-KTV

02 Huynh Khuong Ninh Street
District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84-28) 39105401
Fax: (84-28) 39105402
Email: vietland@vietlandaudit.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là đơn vị phụ thuộc của Công ty, chuyên kinh doanh khai thác đá tại Mỏ đá Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, đã dừng hoạt động từ năm 2017, Công ty đã nhận được Công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 4 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc dừng việc khai thác đá làm vật liệu thông thường tại Mỏ đá này. Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn chưa có quyết định xử lý tài chính đối với Xí nghiệp này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị tài sản của Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là 8.851.770.591 VND, trong đó số dư phải thu của

khách hàng, giá trị hàng tồn kho và giá trị thuần của tài sản cố định hữu hình tương ứng là 1.463.716.000 VND, 950.000.000 VND và 5.545.018.361 VND. Với những tài liệu hiện có, Chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý về các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán của Xí nghiệp Sản xuất vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (xem chi tiết tại Phụ lục 01 và các thuyết minh chi tiết có liên quan).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VÂN NAM HẢI – Phó Tổng Giám đốc	**PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2698-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**25.701.461.078**	**24.324.486.760**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**9.295.871.338**	**7.158.740.256**
1. Tiền	111		6.261.087.776	7.158.740.256
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.034.783.562	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**14.338.920.286**	**15.200.860.608**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.132.107.646	7.135.893.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.157.236.715	6.278.709.696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.706.008.829	2.442.689.962
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(668.746.250)	(668.746.250)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.313.346	12.313.346
IV. Hàng tồn kho	**140**		**2.048.272.392**	**1.959.161.901**
Hàng tồn kho	141	V.6	2.048.272.392	1.959.161.901
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.397.062**	**5.723.995**
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	18.397.062	5.723.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**10.609.395.854**	**10.734.703.030**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**223.597.493**	**181.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	223.597.493	181.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**8.433.741.825**	**8.627.074.959**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.381.641.825	8.574.974.959
Nguyên giá	*222*		*19.152.384.656*	*17.503.411.160*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(10.770.742.831)*	*(8.928.436.201)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	52.100.000	52.100.000
Nguyên giá	*228*		*52.100.000*	*52.100.000*
Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.952.056.536**	**1.926.628.071**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.952.056.536	1.926.628.071
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**36.310.856.932**	**35.059.189.790**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**17.572.913.280**	**18.238.534.714**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**17.572.913.280**	**18.238.534.714**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.760.591.718	3.036.939.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	106.191.537	211.191.537
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	780.132.934	1.305.992.796
4. Phải trả người lao động	314		5.030.546.747	3.934.125.570
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.248.574.478	1.855.236.570
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7.524.528.106	7.912.438.924
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		122.347.760	(17.390.000)
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**18.737.943.652**	**16.820.655.076**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.15**	**18.576.946.082**	**16.659.657.506**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.582.480.000	15.582.480.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*15.582.480.000*	*15.582.480.000*
Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.695.104	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.937.770.978	1.077.177.506
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*708.659.332*	*(1.156.184.234)*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*2.229.111.646*	*2.233.361.740*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**160.997.570**	**160.997.570**
1. Nguồn kinh phí	431		70.805.620	70.805.620
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		90.191.950	90.191.950
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**36.310.856.932**	**35.059.189.790**

Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LÊ KIM HIỀN	**LƯU QUANG TUẤN**	**LƯU QUANG TUẤN**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	40.765.244.538	47.286.680.358
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**40.765.244.538**	**47.286.680.358**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.621.529.754	39.121.910.422
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**10.143.714.784**	**8.164.769.936**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.099.354	6.356.346
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	-	32.070.500
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*32.070.500*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.017.390.880	5.328.420.709
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**3.173.423.258**	**2.810.635.073**
11.	Thu nhập khác	31		386.841.878	129.027.085
12.	Chi phí khác	32		182.274.802	147.959.983
13.	**Lợi nhuận (lỗ) khác**	**40**	**VI.6**	**204.567.076**	**(18.932.898)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**3.377.990.334**	**2.791.702.175**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.017.186.089	558.340.435
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**2.360.804.245**	**2.233.361.740**
20.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.8a**	**1.424**	**1.360**
21.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	**VI.8b**	**1.424**	**1.335**

Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LÊ KIM HIỀN	**LƯU QUANG TUẤN**	**LƯU QUANG TUẤN**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***3.377.990.334***	***2.791.702.175***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.993.125.862	1.412.594.771
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(233.710.552)	(6.356.346)
- Chi phí lãi vay	06		-	32.070.500
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(198.432.864)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***4.938.972.780***	***4.230.011.100***
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	873.410.027	4.638.887.622
- Tăng hàng tồn kho	10		(89.110.491)	1.018.262.790
- Tăng các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	(967.772.089)	(985.853.564)
- Tăng chi phí trả trước	12		(25.428.465)	698.381.531
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	-	(32.070.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.083.553.608)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		56.695.104	70.805.620
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(3.280.657.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***3.703.213.258***	***6.357.766.710***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(1.799.792.728)	(41.000.001)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		186.611.198	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng	27		47.099.354	6.356.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(1.566.082.176)***	***(34.643.655)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(60.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	***(60.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**2.137.131.082**	**6.263.123.055**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**7.158.740.256**	**895.617.201**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**V.1**	**9.295.871.338**	**7.158.740.256**

Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LÊ KIM HIỀN	**LƯU QUANG TUẤN**	**LƯU QUANG TUẤN**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc tiền thân là Công ty Công trình Đô thị Bảo Lộc, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5800001347-1 ngày 16 tháng 7 năm 2010.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi đến lần thứ 3 vào ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định số 6978/UBCK-GSĐC. Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 113/2018/GCNCP-VSD ngày 19 tháng 12 năm 2018, theo đó, mã chứng khoán của cổ phiếu Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc là DTB, số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.558.248 cổ phiếu tương ứng tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là 15.582.480.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 15.582.480.000 VND

  Số cổ phiếu : 1.558.248 cổ phần

  Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

- **Trụ sở hoạt động**

  Địa chỉ : 261 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng

  Điện thoại : (84-063) 3 864 057

  Mã số thuế : **5 8 0 0 0 0 1 3 4 7**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và sản xuất, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Duy tu, bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè. Vệ sinh môi trường, công viên, cây xanh. Xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng. Tổ chức dịch vụ quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc. Xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước. Sản xuất kinh doanh cây giống, hoa, cây cảnh. Xây dựng công viên. Dịch vụ lưu trú. Kinh doanh vật liệu xây dựng, sửa chữa cơ khí nhỏ. Dịch vụ rửa xe, bơm dầu mỡ. Kinh doanh gas, khí đốt. Kinh doanh phát triển nhà, quản lý, cho thuê nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước được giao quản lý. Khai thác, chế biến khoáng sản: vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi...). Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi khử trùng). Tư vấn đầu tư, thi công, quản lý điều hành các dự án cầu,

đường giao thông đến cấp 2, công trình điện dưới 35KV, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước, công viên, cây xanh nội thị. Thiết kế, giám sát công trình thủy lợi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 Xí nghiệp sản xuất vật liệu - khai thác đá đã dừng hoạt động từ tháng 5 năm 2017. Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lâm Đồng đã có công văn số 6608/UBND-TH2 ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc dừng việc khai thác đá làm vật liệu thông thường tại Mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, Thành phố Bảo Lộc.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cấu trúc Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và một Xí nghiệp Sản xuất vật liệu là đơn vị phụ thuộc của Cộgng ty, chuyên kinh doanh thác đá tại Mỏ đá Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 159 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 159 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm năm sau.

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 9 (chín) của Công ty kể từ khi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	10 - 15

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại Mỏ đá đèo Bảo Lộc của Công ty. Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chia để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí công cụ dụng cụ, giá trị lợi thế kinh doanh và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, giá trị lợi thế kinh doanh và chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 10 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải nộp KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng .và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thi doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem bên dưới).

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắn chắn.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Văn phòng Công ty	**9.289.469.327**	**6.348.537.711**
Tiền mặt	41.085.635	26.037.392
Tiền gửi ngân hàng	6.213.600.130	6.322.500.319
Tương đương tiền (i)	3.034.783.562	-
Xí nghiệp Vật liệu xây dựng	**6.402.011**	**810.202.545**
Tiền mặt	6.402.011	6.402.011
Tiền gửi ngân hàng	-	803.800.534
Cộng	**9.295.871.338**	**7.158.740.256**

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bảo Lộc với lãi suất 4,6%/năm (năm 2017 không phát sinh).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Văn phòng Công ty	**5.668.391.646**	**5.254.937.854**
Công ty Phượng Hùng	94.185.000	94.185.000
Công ty TNHH XD TM Đại Phúc Đạt	99.815.000	99.815.000
Công ty TNHH DV - TM Huỳnh Tâm Long	120.396.068	120.396.068
Công ty TNHH XD CT Nam Việt	467.754.500	467.754.500
Ngân sách TP. Bảo Lộc	4.199.439.059	3.615.487.744
Ủy ban Phường Lộc Tiến	410.610.349	410.610.349
Các khách hàng khác	276.191.670	446.689.193
Xí nghiệp VLXD	**1.463.716.000**	**1.880.956.000**
Công ty TNHH XD CT Nam Việt	734.929.000	734.929.000
Công ty TNHH Nguyên Thanh	600.000.000	1.003.765.000
Các khách hàng khác	128.787.000	142.262.000
Cộng	**7.132.107.646**	**7.135.893.854**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Văn phòng Công ty	**5.157.236.715**	**6.278.709.696**
Công ty TNHH Hồng Kỳ	171.734.197	171.734.197
Công ty TNHH TVXD Khánh Phát	385.981.000	385.981.000
Công ty TNHH XD thủy lợi Quốc Minh	100.000.000	100.000.000
Liên doanh Công ty TVXD Miền Đông & TAA	1.957.651.983	1.957.651.983
Công ty TNHH XD Thuận Tiến	893.692.000	893.692.000
Đường Nguyễn Khuyến P2	114.367.636	114.367.636
Nguyễn Đức Hạnh	6.000.000	315.266.018

	31/12/2018	01/01/2018
Ông Võ Ngô Đình Phổ	108.864.475	219.544.475
Ông Nguyễn Duy Tiên	24.219.818	210.685.000
Trung tâm nghiên cứu , dịch vụ công nghệ và môi trường.	112.200.000	112.200.000
Trung tâm TVĐT & PTQĐ Bảo Lộc	104.536.000	104.536.000
Bùi Thanh Tùng	613.900.123	1.217.373.123
Công ty TVXD Sông Hồng	116.345.134	116.345.134
Các nhà cung cấp khác	447.744.349	359.333.130
Cộng	**5.157.236.715**	**6.278.709.696**

4. Phải thu khác

		31/12/2018		31/12/2017	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a)	**Phải thu ngắn hạn khác**	**2.706.008.829**	-	**2.442.689.962**	-
	Văn phòng Công ty	***1.959.572.253***	-	***1.696.253.386***	-
	Tạm ứng	172.753.593	-	195.050.500	-
	Khu nghỉ dưỡng Hồ Nam Phương 2	565.279.446	-	516.720.238	-
	Ngân sách TP Bảo Lộc	300.258.070	-	300.258.070	-
	Phải thu khác	921.281.144	-	684.224.578	-
	Xí nghiệp VLXD	***746.436.576***	-	***746.436.576***	-
	Phải thu khác	746.436.576	-	746.436.576	-
b)	**Phải thu dài hạn khác**	**223.597.493**		**181.000.000**	
	Văn phòng Công ty	**199.797.493**		**157.200.000**	
	Các khoản ký quỹ dài hạn	199.797.493	-	157.200.000	-
	Xí nghiệp VLXD	**23.800.000**	-	**23.800.000**	-
	Các khoản ký quỹ dài hạn	23.800.000	-	23.800.000	-
	Cộng	**2.929.606.322**	-	**2.623.689.962**	-

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**
Văn phòng Công ty	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Phượng Hùng	*94.185.000*		*(94.185.000)*	*94.185.000*		*(94.185.000)*
Công ty TNHH XD TM Đại Phúc Đạt	*99.815.000*	-	*(99.815.000)*	*99.815.000*	-	*(99.815.000)*
Cty TNHH XD CT Nam Việt	*467.754.500*	-	*(467.754.500)*	*467.754.500*	-	*(467.754.500)*
Phải thu khách hàng khác	*6.991.750*	-	*(6.991.750)*	*6.991.750*	-	*(6.991.750)*
Cộng	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**	**668.746.250**	-	**(668.746.250)**

Thông tin về khoản nợ xấu:

- Khoản nợ xấu liên quan khoản phải thu của khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Văn phòng Công ty	**1.097.479.142**	-	**1.008.368.651**	-
Nguyên liệu, vật liệu	661.661.995	-	659.093.783	-
Công cụ, dụng cụ	100.365.540	-	101.385.540	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	193.103.478	-	109.295.478	-
Thành phẩm	142.348.129	-	138.593.850	-
Xí nghiệp VLXD	**950.793.250**		**950.793.250**	
Nguyên liệu, vật liệu	28.891.682	-	28.891.682	-
Công cụ, dụng cụ	122.000.000	-	122.000.000	-
Thành phẩm	799.901.568	-	799.901.568	-
Cộng	**2.048.272.392**	-	**1.959.161.901**	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	4.348.468.160	6.892.333.640	6.189.369.360	73.240.000	17.503.411.160
Tăng trong năm	-		1.799.792.728	-	1.799.792.728
Mua sắm mới	-	-	*1.799.792.728*	-	*1.799.792.728*
Giảm trong năm	-		35.220.959	-	150.819.232
Thanh lý trong năm	-	*115.598.273*	*35.220.959*	-	*150.819.232*
31/12/2018	**4.348.468.160**	**6.892.333.640**	**7.953.941.129**	**73.240.000**	**19.152.384.656**
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	2.305.845.626	3.158.831.078	3.429.469.497	34.290.000	8.928.436.201
Tăng trong năm	1.396.456.985		544.842.284	4.100.000	1.993.125.861
Khấu hao trong năm	*1.396.456.985*	*47.726.592*	*544.842.284*	*4.100.000*	*1.993.125.861*
Giảm trong năm	-	115.598.273	35.220.959	-	150.819.232
Thanh lý trong năm	-	*115.598.273*	*35.220.959*	-	*150.819.232*
31/12/2018	**3.702.302.611**	**3.043.232.805**	**3.939.090.822**	**38.390.000**	**10.770.742.831**
Giá trị còn lại					
01/01/2018	2.042.622.534	3.733.502.562	2.759.899.863	38.950.000	8.574.974.959
31/12/2018	**646.165.549**	**3.849.100.835**	**4.014.850.307**	**34.850.000**	**8.381.641.825**
Trong đó:					
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	335.162.775	809.366.532	740.946.517	32.240.000	1.917.715.824
Số cuối năm	**3.414.199.312**	**889.977.577**	**1.427.668.401**	**32.240.000**	**5.764.085.290**
Tài sản cố định liên quan đến Xí nghiệp VLXD:					
Nguyên giá	84.341.818	6.072.325.574	-	1.706.885.339	7.863.552.731
Khấu hao lũy kế	-	2.200.981.820	-	117.552.550	2.318.534.370
Giá trị còn lại	**84.341.818**	**3.871.343.754**	-	**1.589.332.789**	**5.545.018.361**

8. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất tại Mỏ đá đèo Bảo Lộc, không xác định thời hạn.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Dài hạn	**1.952.056.536**	**1.926.628.071**
Văn phòng Công ty	***1.836.452.832***	***1.811.024.367***
Chi phí công cụ, dụng cụ	971.347.525	471.724.428
Giá trị lợi thế kinh doanh	804.614.813	1.206.922.220
Chi phí khác	60.490.494	132.377.719
Xí nghiệp VLXD	***115.603.704***	***115.603.704***
Chi phí khác	115.603.704	115.603.704
Cộng	**1.952.056.536**	**1.926.628.071**

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Văn phòng công ty	**2.760.591.718**	**2.760.591.718**	**3.036.939.317**	**3.036.939.317**
Công ty Đông Phương HCM	3.360.000	3.360.000	120.088.872	120.088.872
Công ty Việt Nhật	-	-	542.990.360	542.990.360
Công ty Xây dựng 1 Lâm Đồng	495.859.629	495.859.629	256.954.629	256.954.629
Công ty CP kỹ thuật Đông Phương	169.402.750	169.402.750	-	-
Công ty TNHH TM-DV Huỳnh Tâm Long	-	-	119.302.000	119.302.000
CTy TNHH Kỹ thuật TM&XD S.E.L	-	-	123.175.351	123.175.351
Cây xăng Tín Hùng	380.307.059	380.307.059	568.378.739	568.378.739
DNTN Quảng cáo Phú Khánh	109.476.190	109.476.190	18.012.665	18.012.665
DNTN Cơ khí XD Việt Hưng	215.240.000	215.240.000	-	-
Ngô Thị Sáu Bảo Lộc	61.250.000	61.250.000	110.885.800	110.885.800
Công ty TNHH Xây dựng Quốc Thiêng	-	-	107.531.200	107.531.200
Viện CN & KHMT Tài Nguyên	104.576.241	104.576.241	104.576.241	104.576.241
Cửa hành VLXD Long Hoa	162.900.099	162.900.099	21.472.279	21.472.279
Xí nghiệp VSMT & dịch vụ	181.393.314	181.393.314	219.892.941	219.892.941
Các nhà cung cấp khác	759.371.864	759.371.864	639.242.240	639.242.240
Cộng	**2.760.591.718**	**2.760.591.718**	**3.036.939.317**	**3.036.939.317**

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Văn phòng Công ty	**89.691.537**	**194.691.537**
Công ty TNHH Cấp nước Hà Lan	-	105.000.000
Công ty TNHH TV TK ĐT & TM Kiến Tạo	12.676.700	12.676.700
Ban quản lý dự án	68.278.837	68.278.837
Hạn mức XDCB NS Tỉnh	4.536.000	4.536.000
Ông Dương Đình Thắng	4.200.000	4.200.000
Xí nghiệp VLXD	**16.500.000**	**16.500.000**
Công ty TNHH Kiến Giang	16.500.000	16.500.000
Cộng	**106.191.537**	**211.191.537**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	502.463.019	2.140.388.138	2.358.024.439	284.826.718
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.340.435	1.017.390.486	1.083.553.608	492.177.313
Thuế thu nhập cá nhân	(5.723.995)	52.806.089	58.063.284	(10.981.190)
Các loại thuế khác	245.189.342	(59.919.152)	189.557.159	(4.286.969)
Thuế đất	-	*10.101.015*	*10.101.015*	-
Thuế tài nguyên	*29.308.971*	-	*26.180.068*	*3.128.903*
Tiền thuê đất	*721*	*132.447.833*	*132.448.554*	-
Phí Vệ sinh môi trường	*215.879.650*	*(205.468.000)*	*17.827.522*	*(7.415.872)*
Thuế môn bài	-	*3.000.000*	*3.000.000*	
Cộng	**1.300.268.801**	**3.150.665.561**	**3.689.198.490**	**761.735.872**

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán riêng:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	5.723.995	18.397.062
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.305.992.796	780.132.934

- **Thuế giá trị gia tăng**

  Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

  Thuế suất áp dụng

  + Hoạt động công ích : Không chịu thuế

  + Bán cây : 5%

  + Hoạt động khác : 10%

  Thuế thu nhập doanh nghiệp: Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các loại thuế khác**

  Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo quy định hiện hành.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Văn phòng Công ty	**1.248.574.478**	**1.855.236.570**
Thù lao Hội đồng quản trị	-	17.000.000
Chi phí dịch vụ	36.363.636	20.000.000
Chi phí dịch vụ khác	1.212.210.842	1.818.236.570
Cộng	**1.248.574.478**	**1.855.236.570**

14. Phải trả ngắn hạn khác

Văn phòng Công ty	**3.162.750.457**	**3.495.439.423**
Kinh phí công đoàn	-	204.858.365
Bảo hiểm xã hội	-	11.418.275
Bảo hiểm y tế	117.137.641	-
Bảo hiểm thất nghiệp	49.626.957	-
Ngân sách TP Bảo Lộc	2.995.985.859	3.026.205.561
Các khoản phải trả khác	-	252.957.222
Xí nghiệp VLXD	**4.361.777.649**	**4.416.999.501**
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Nam Việt	2.164.095.137	2.164.095.137
Công ty TNHH TM DV Trương Vũ	2.164.095.137	2.164.095.137
Các khoản phải trả khác	33.587.375	88.809.227
Cộng	**7.524.528.106**	**7.912.438.924**

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	**15.582.480.000**	**-**	**(1.220.058.926)**	**14.362.421.074**
Chia lãi liên doanh	-	-	(40.419.699)	(40.419.699)
Tăng khác		-	104.294.391	104.294.391
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.233.361.740	2.233.361.740
31/12/2017	**15.582.480.000**	**-**	**1.077.177.506**	**16.659.657.506**
01/01/2018	**15.582.480.000**	**-**	**1.077.177.506**	**16.659.657.506**
Trích lập các quỹ	-	56.695.104	(198.432.864)	(141.737.760)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(368.518.174)	(368.518.174)
Điều chỉnh tăng khác	-	-	66.740.265	66.740.265
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	2.360.804.245	2.360.804.245
31/12/2018	**15.582.480.000**	**56.695.104**	**2.937.770.978**	**18.576.946.082**

Cổ phiếu

	31/12/2018	31/12/2017
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.558.248	1.558.248
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	1.558.248	1.558.248
Cổ phần phổ thông	*1.558.248*	*1.558.248*
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.558.248	1.558.248
Cổ phần phổ thông	*1.558.248*	*1.558.248*
Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu hoạt động kinh doanh và công ích	40.765.244.538	47.286.680.358
Cộng	**40.765.244.538**	**47.286.680.358**

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động kinh doanh và công ích	30.621.529.754	39.121.910.422
Cộng	**30.621.529.754**	**39.121.910.422**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	47.099.354	6.356.346
Cộng	**47.099.354**	**6.356.346**

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	-	32.070.500
Cộng	**-**	**32.070.500**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân viên quản lý	2.784.746.078	2.132.651.572
Chi phí vật liệu quản lý	164.987.398	-
Chi chí đồ dùng văn phòng	1.246.922.655	180.634.773
Chi phí khấu hao	1.419.421.130	88.933.173
Thuế, phí và lệ phí	8.914.800	146.713.354
Chi phí dự phòng	-	941.138.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	1.171.122
Chi phí bằng tiền khác	1.392.398.818	1.837.177.838
Cộng	**7.017.390.879**	**5.328.420.709**

6. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	**386.841.878**	**129.027.085**
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	176.173.878	-
Nhập thừa kiểm kê	-	102.326.477
Thu nhập khác	210.668.000	26.700.608
Chi phí khác	**182.274.802**	**147.959.983**
Tiền phạt chậm nộp	181.874.247	-
Thanh lý TSCĐ	-	120.974.494
Chi phí khác	400.555	26.985.489
Lợi nhuận (lỗ) khác	**204.567.076**	**(18.932.898)**

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.377.990.335**	**2.791.702.175**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	***181.874.247***	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	181.874.247	-
Chi phí phạt vi phạm hành chính	*181.874.247*	-
Thu nhập chịu thuế	**3.559.864.582**	**2.791.702.175**
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**711.972.916**	**558.340.435**
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm 2016	**305.213.173**	**-**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.017.186.089**	**558.340.435**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm 2016 là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty bị truy thu theo Biên bản của Cục thuế thành phố Bảo Lộc.

8. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

a/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**Năm 2018**	**Năm 2017**
Lợi nhuận kế toán sau thuế	**2.360.804.245**	**2.233.361.740**
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(141.737.760)	(113.390.208)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**2.219.066.485**	**2.119.971.532**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.558.248	1.558.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.424**	**1.360**

b/ Lỗ cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**2.219.066.485**	**2.119.971.532**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	(40.419.699)
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**2.219.066.485**	**2.079.551.833**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.558.248	1.558.248
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	**1.558.248**	**1.558.248**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.424**	**1.335**

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.411.910.053	180.634.773
Chi phí nhân công	2.784.746.078	2.132.651.572
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.419.421.130	88.933.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.914.800	147.884.476
Chi phí bằng tiền khác	1.392.398.818	2.778.316.715
Cộng	**7.017.390.879**	**5.328.420.709**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm 2018	**Năm 2017**
Tiền lương, phụ cấp	1.048.623.507	650.797.761
Cộng	**1.048.623.507**	**650.797.761**

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kết toán như sau:

	31/12/2018	31/12/2017
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền	(6.261.087.776)	(7.158.740.256)
Nợ thuần	(6.261.087.776)	(7.158.740.256)
Vốn chủ sở hữu	18.882.159.256	16.659.657.506
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**(0,33)**	**(0,43)**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	6.261.087.776	6.261.087.776	7.158.740.256	7.158.740.256
Phải thu của khách hàng	6.463.361.396	6.463.361.396	6.467.147.604	6.467.147.604
Phải thu khác	1.891.315.213	1.891.315.213	1.563.101.946	1.563.101.946
Cộng	**14.615.764.385**	**14.615.764.385**	**15.188.989.806**	**15.188.989.806**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	2.760.591.718	2.760.591.718	3.036.939.317	3.036.939.317
Chi phí phải trả	1.248.574.478	1.248.574.478	1.855.236.570	1.855.236.570
Phải trả khác	7.386.169.634	7.386.169.634	7.696.162.284	7.696.162.284
Cộng	**11.395.335.830**	**11.395.335.830**	**12.588.338.171**	**12.588.338.171**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giải định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa bất động sản sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu tiền cho mượn và phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay, cho mượn và phải thu khác

Đối tượng của các khoản cho vay, cho mượn và phải thu khác của Công ty chủ yếu là công ty con và đối tượng có liên quan, cho nên không có rủi ro đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
31/12/2018			
Tiền	6.261.087.776	-	6.261.087.776
Phải thu của khách hàng	6.463.361.396	-	6.463.361.396
Phải thu khác	1.867.515.213	23.800.000	1.891.315.213
Cộng	**14.591.964.385**	**23.800.000**	**14.615.764.385**
Phải trả người bán	2.760.591.718	-	2.760.591.718
Chi phí phải trả	1.248.574.478	-	1.248.574.478
Phải trả khác	7.386.169.634	-	7.386.169.634
Cộng	**11.395.335.830**	**-**	**11.395.335.830**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**3.196.628.555**	**23.800.000**	**3.220.428.555**
31/12/2017			
Tiền	7.158.740.256	-	7.158.740.256
Phải thu của khách hàng	6.467.147.604	-	6.467.147.604
Phải thu khác	1.382.101.946	181.000.000	1.563.101.946
Cộng	**15.007.989.806**	**181.000.000**	**15.188.989.806**

	Trong vòng 1 năm	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	3.036.939.317	-	3.036.939.317
Chi phí phải trả	1.855.236.570	-	1.855.236.570
Phải trả khác	7.696.162.284	-	7.696.162.284
Cộng	**12.588.338.171**	**-**	**12.588.338.171**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**2.419.651.635**	**181.000.000**	**2.600.651.635**

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Theo Biên bản kiểm toán ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc, Kiểm toán nhà nước điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán 386.440.602 VND (số tiền này hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ) do doanh nghiệp hạch toán toàn bộ chi phí nâng cấp công suất máy 772.881.204 VND vào giá vốn hàng bán (tuy nhiên kiểm toán nhà nước xác định phân bổ hai năm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ). Bên cạnh đó, điều chỉnh tăng doanh thu chịu thuế 120.974.494 VND (đây là khoản chi phí tiền phạt chậm nộp nên không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế) dẫn đến thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 101.483.019 VND. Đồng thời, trong năm 2018, Công ty phát hiện số liệu về khoản tiền gửi ngân hàng của bên liên doanh chưa được ghi nhận từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 12 năm 2017 dẫn đến số dư tiền gửi ngân hàng có sự chênh lệch trọng yếu với sổ phụ. Từ các nguyên nhân trên, Công ty quyết định thực hiện điều chỉnh lại số đầu năm 2018.

Theo đó Ban Giám đốc đã trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	Báo cáo kiểm toán năm 2017 (VND)	Điều chỉnh (VND)	Trình bày lại (VND)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**25.011.944.762**	**(65.182.271)**	**24.946.762.491**
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.580.689.527	578.050.729	7.158.740.256
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.779.126.854	(643.233.000)	7.135.893.854
TÀI SẢN DÀI HẠN	**9.558.541.684**	**507.415.096**	**10.065.956.780**
Chi phí trả trước dài hạn	1.419.212.975	507.415.096	1.926.628.071
NỢ PHẢI TRẢ	**18.260.057.838**	**36.300.748**	**18.296.358.586**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	194.691.537	16.500.000	211.191.537
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.204.509.777	101.483.019	1.305.992.796
Phải trả ngắn hạn khác	8.051.945.067	(139.506.143)	7.912.438.924

Khoản mục	Báo cáo kiểm toán năm 2017 (VND)	Điều chỉnh (VND)	Trình bày lại (VND)
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**16.310.428.608**	**405.932.077**	**16.716.360.685**
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	566.951.038	405.932.077	972.883.115
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(1.220.058.926)	63.874.692	(1.156.184.234)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	1.787.009.964	446.351.776	2.233.361.740

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	Báo cáo kiểm toán năm 2017 (VND)	Điều chỉnh (VND)	Trình bày lại (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.286.680.358	-	47.286.680.358
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.286.680.358	-	47.286.680.358
Giá vốn hàng bán	39.629.325.518	(507.415.096)	39.121.910.422
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.657.354.840	507.415.096	8.164.769.936
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.303.219.977	507.415.096	2.810.635.073
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.284.287.079	507.415.096	2.791.702.175
Chi phí thuế TNDN hiện hành	456.857.416	101.483.019	558.340.435
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.827.429.663	405.932.077	2.233.361.740

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Khoản mục	Báo cáo kiểm toán năm 2017 (VND)	Điều chỉnh (VND)	Trình bày lại (VND)
Lợi nhuận trước thuế	2.284.287.079	507.415.096	2.791.702.175
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	3.722.596.004	507.415.096	4.230.011.100
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(1.087.336.583)	101.483.019	(985.853.564)
Tăng giảm chi phí trả trước	1.205.796.627	(507.415.096)	698.381.531
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.217.225.599)	(63.432.290)	(3.280.657.889)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	6.319.715.981	38.050.729	6.357.766.710
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.685.072.326	578.050.729	6.263.123.055
Tiền và tương đương tiền cuối năm	6.580.689.527	578.050.729	7.158.740.256

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2018

LÊ KIM HIỀN	**LƯU QUANG TUẤN**	**LƯU QUANG TUẤN**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.167.348.526**	**4.388.389.060**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.1	**6.402.011**	**810.202.545**
Tiền	111		6.402.011	810.202.545
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.210.153.265**	**2.627.393.265**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.463.716.000	1.880.956.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	689	689
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	746.436.576	746.436.576
IV. Hàng tồn kho	**140**		**950.793.250**	**950.793.250**
Hàng tồn kho	141	V.6	950.793.250	950.793.250
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.684.422.065**	**5.684.422.065**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**23.800.000**	**23.800.000**
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	23.800.000	23.800.000
II. Tài sản cố định	**220**		**5.545.018.361**	**5.545.018.361**
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.545.018.361	5.545.018.361
Nguyên giá	*222*		7.863.552.731	7.863.552.731
Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		(2.318.534.370)	(2.318.534.370)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**115.603.704**	**115.603.704**
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	115.603.704	115.603.704
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**8.851.770.591**	**10.072.811.125**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**8.679.273.838**	**9.901.776.469**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**8.679.273.838**	**9.901.776.469**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.689	5.689
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	16.500.000	16.500.000
3.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7.899.360.216	7.899.360.216
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**172.496.753**	**171.034.656**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.17**	**172.496.753**	**171.034.656**
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		172.496.753	171.034.656
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		171.034.656	98.856.622
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.462.097*	72.178.034
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**8.851.770.591**	**10.072.811.125**

Thành phố Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LÊ KIM HIỀN	**LƯU QUANG TUẤN**	**LƯU QUANG TUẤN**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 26 /ĐX-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

ĐỀ XUẤT

Về việc kiến nghị mức trả cổ tức và hình thức chia cổ tức năm 2018

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ điều 36, điều 58 và 59 của Điều lệ Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2017

Căn cứ kết quả lợi nhuận tại Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

I. Mức trả cổ tức năm 2018 :

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2018:	2.360.804.245 đ
2. Trả lãi liên doanh (1.462.097 x 56%) :	818.774 đ
3. Trả lại tiền xử lý rác y tế của CTy Cao nguyên Xanh:	230.966.000 đ
4. Lợi nhuận năm 2018 được phân phối:	2.129.019.471 đ
5. Lợi nhuận năm 2017 được phân phối tiếp:	405.932.077 đ
6. Lợi nhuận lũy kế được phân phối năm nay:	2.534.951.548 đ
7. Trích lập các quỹ theo quy định (35%) :	887.233.042 đ
8. Lợi nhuận phân phối trả cổ tức cho cổ đông:	1.647.718.506 đ

9. Mức trả cổ tức trên một cổ phần :

1.647.718.506 đ/1.558.248 cổ phần = 1.057,42 đ/ c.phần

Bằng chữ: Một ngàn không trăm năm mươi bảy phẩy bốn hai đồng trên một cổ phần

II. Hình thức chia cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng cho các cổ đông.

Trân trọng kiến nghị !

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBCKNN;
- Website: http://congtydothibaoloc.com
- Lưu thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN **CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/TT- ĐHĐCĐ V/v Xây dựng lại Điều lệ mới và quy chế Quản trị của Công ty CP CTĐT Bảo Lộc.	*Bảo Lộc, ngày 12 tháng 4 năm 2019*

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Công trình đô thị Bảo Lộc.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

Nay Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc kính trình Đại hội đồng cổ đông thông Điều lệ mới và Quy chế quản trị Công ty với nội dung như sau:

Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 29/6/2017. Nay các quy định của pháp luật liên quan đến doanh nghiệp có sự thay đổi, đặc biệt là sau khi Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2017.

Trên cơ sở những thay đổi của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc, với mục tiêu là: Điều lệ và quy chế Quản trị của Công ty ngày càng chặt chẽ, sát với thực tế, hạn chế việc sửa đổi, bổ sung sau này. Hội đồng quản trị đã tổ chức rà soát và thống nhất xây dựng Điều lệ mới và Quy chế quản trị Công ty cho phù hợp.

Bản dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc được xây dựng theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐCP và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Điều lệ mới và Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc. Nếu được đa số Đại hội đồng cổ đông tán thành thì Điều lệ mới và Quy chế quản trị Công ty sẽ có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành và thay thế cho Điều lệ trước đây và giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoàn thiện văn bản, ký ban hành.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc)

(Dự thảo)

Bảo Lộc, ngày tháng năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 2

IV. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 3

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 4

V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 4

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 4

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 5

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 5

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 5

Điều 10. Thu hồi cổ phần 5

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 6

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 6

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 6

Điều 12. Quyền của cổ đông 6

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 7

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền 11

Điều 17. Thay đổi các quyền 12

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 14

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 20
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 20
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 21
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 22
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 28
Điều 32. Thư ký công ty 30
IX. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 28
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) 29
X. BAN KIỂM SOÁT 31
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 31
Điều 37. Kiểm soát viên 31
Điều 38. Ban kiểm soát 32
XI. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng 33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 33
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 34
XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 35
XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 36
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn 36
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 36
Điều 44. Phân phối lợi nhuận 36
XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 37
Điều 45. Tài khoản ngân hàng 37
Điều 46. Năm tài chính 37
Điều 47. Chế độ kế toán 37
XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 38
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 38
Điều 49. Báo cáo thường niên 38

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY 38
Điều 50. Kiểm toán 38
XVIII. CON DẤU 39
Điều 51. Con dấu 39
XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 39
Điều 52. Chấm dứt hoạt động 39
Điều 53. Gia hạn hoạt động 39
Điều 54. Thanh lý 39
XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 40
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ 40
XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 41
Điều 56. Điều lệ công ty 41
XXII. NGÀY HIỆU LỰC 41
Điều 57. Ngày hiệu lực 41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc tại đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày ... tháng ... năm 2019

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Công ty là Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc

b. Vốn điều lệ là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 điều này;

c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

f. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

g. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng.

h. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

k. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

j. Người điều hành khác là: Trưởng các phòng ban, Giám đốc các Xí nghiệp, Đội trưởng các Đội trực thuộc Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: BAO LOC CITY URBAN PROJECTS JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: BAOLOC URCO.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 261, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại: 0263 3 864 057

- Fax: 0263 3 710 035

- E-mail: ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn

- Website: congtydothibaoboc.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, trong đó: Giám đốc công ty là đại diện làm Chủ tài khoản kế toán của Công ty được mở tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

1. Ngành nghề hoạt động của Công ty:

Lĩnh vực hoạt động công ích: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm (không bao gồm dịch vụ xông hơi, khử trùng); trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hóa; xây dựng, chăm sóc và duy trì công viên, khu vực cây xanh; xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống chiếu sáng; xây dựng nền, mặt đường cấp phối, đá dăm, láng nhựa, xây dựng mương, cống rãnh thoát nước, duy tu bảo dưỡng cầu đường, cống nước, vỉa hè.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sửa chữa cơ khí nhỏ, rửa xe, bơm dầu nhớt; khai thác, chế biến vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi...);; tổ chức quản trang, mai táng trên địa bàn thành phố Bảo Lộc; kinh doanh phát triển nhà, quản lý, cho thuê nhà, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc quyền sở hữu nhà nước được giao quản lý; tư vấn, đầu tư, thi công, quản lý điều hành các dự án cầu, đường giao thông đến cấp 2, công trình điện dưới 35KV, dân dụng, thủy lợi, cấp thoát nước, công viên, cây xanh đô thị.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Huy động vốn của toàn xã hội bao gồm cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, tạo thêm việc làm, phát triển doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh.

- Tạo điều kiện để người lao động trong doanh nghiệp có cổ phần và những người đã góp vốn làm chủ thực sự, thay đổi phương thức quản lý tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, tăng tài sản doanh nghiệp, nâng cao thu nhập người lao động, góp phần tăng trưởng kinh tế địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.582.480.000 VND (Mười lăm tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng Việt Nam).Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.558.248 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua

lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;

3. Ban kiểm soát;

4. Giám đốc (Tổng giám đốc).

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

k. (Các quyền đối với các loại cổ phần khác)

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

d. (Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi

đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;

e. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT, hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty;

h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Phương án bầu cử;

g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,

chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là từ 05 đến 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn số;

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 01 (một) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền

công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a. Ban kiểm soát;

b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành/người quản lý doanh nghiệp khác;

c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp

đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội

đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc).

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị

thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Cuối tháng 3 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

Điều 35. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

g. Được hưởng thù lao do Hội đồng quản trị quyết định thông qua một Nghị quyết, thù lao cho Thư ký Công ty được tính vào chi phí của Công ty.

h. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá

nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn

với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

2. Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do đại hội đồng cổ đông quyết định, hàng năm sau khi sau thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

a. Quỹ đầu tư phát triển: 10%

b. Quỹ phúc lợi tập thể: 10%

c. Quỹ khen thưởng: 10%

d. Quỹ khen thưởng cho ban quản lý điều hành: 5%

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và

được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ mới này thay thế cho bản Điều lệ hiện hành đã được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 sửa đổi, bổ sung thông qua ngày 29/6/2017.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định thuộc tỉnh Lâm Đồng .

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc)

(Dự thảo)

Bảo Lộc, ngày tháng năm 2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG 1

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 1

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG 2

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 2

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 2

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông 2

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: 4

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 8

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội: 11

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết 13

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 13

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu 14

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu 15

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 16

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 17

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 17

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 18

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN 18

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 18

Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 19

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT 22

Mục 1. Quy định chung 22

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 22

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT 22
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT 23
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT 23
Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT 23
Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty 24
Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT 24
Điều 29. Cách thức bầu thành viên HĐQT 25
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 25
Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 26
Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT 26
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT 26
Điều 33. Cuộc họp HĐQT 26
Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT 28
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT 31
Mục 1- Quy định chung 31
Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát 31
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên 31
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 32
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên 32
Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên 32
Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty 33
Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên 33
Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên 33
Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 34
Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên 34
Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát 34
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát 35
Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát 35
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP 35
Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp 35
Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp 36
Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp 37

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp 37
Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp 37
CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC 37
Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 37
Điều 52. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát 37
Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc 38
Điều 54. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 38
Điều 55. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 39
Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc 39
Điều 57. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS 40
Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên 41
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 43
Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác 44
Điều 60. Khen thưởng 44
Điều 61. Kỷ luật 44
CHƯƠNG 8 – SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 45
Điều 62: Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty 45
CHƯƠNG 9 – NGÀY HIỆU LỰC 45
Điều 63: ngày hiệu lực 45

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;

- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

3. Công ty: là Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc;

4. HĐQT: là Hội đồng quản trị;

5. Ứng cử: là tự đề cử;

6. BKS: là Ban kiểm soát;

7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm đ và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

c. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

d. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

f. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên.

g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:

a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

a.1. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

a.2. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
- Các tài liệu kèm theo như sau:

– Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
– Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
– Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập).
– Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực

hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập);

- Biên bản họp của Ban Kiểm soát về vệc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập).
- Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp);
- Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp).

a.3. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

b.Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứ ng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ

chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được qui định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được uỷ quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

• Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

• Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

• Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

• Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);

d. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

e. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty, phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây

• Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

• Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

• Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;

c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:

a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b. Báo cáo của HĐQT;

c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;

e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;

j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội:

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông).

Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. ***Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.***

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

• Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

• Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ**: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

• Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

• Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;

• Gạch tên các ứng cử viên;

• Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

• Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;

• Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

• Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;

• Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "□" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ động)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 21, Khoản 4 Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;

c. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;

d. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

e. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.

2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b. Định hướng phát triển công ty;

c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;

e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;

f. Tổ chức lại, giải thể công ty;

g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, Điều 24 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười(10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là từ năm (05) đến bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn.

3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

- Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

- Có đơn từ chức;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;

6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 26. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.

3. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 28. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn:

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 29. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứ ng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy đinh tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức;

c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 32. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử …

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 33. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- Ban kiểm soát;

- Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành/người quản lý doanh nghiệp khác;

- Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;

- Các trường hợp khác (nếu có).

c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 34. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):

a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;

c. Thành viên HĐQT chỉ được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của

HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Thời gian, địa điểm họp;

- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Các vấn đề đã được thông qua;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;

c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;

d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1- Quy định chung

Điều 35. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành

doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 38. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 39. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 40. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty)

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 41. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết

thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 44. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 45. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 46. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc (Tổng Giám đốc)

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc)

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;

e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;

f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 47. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 33 và Khoản 1, 2 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc):

a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng Giám đốc); ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

b. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng Giám đốc) không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

a. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng Giám đốc) và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc) do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng Giám đốc).

Điều 48. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 49. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;

2. Có đơn xin nghỉ việc;

3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 50. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC)

Điều 51. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 52. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc)) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 54. Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 57 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 34, Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 55. Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 56. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Căn cứ vào báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm

kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Giám đốc (Tổng Giám đốc)

Điều 57. Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 34, Khoản 3 Điều 40, Điều 43 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình để HĐQT thông qua;

c. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

d. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

e. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

b. Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

c. HĐQT, thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 58. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 40, Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Giám đốc (Tổng Giám đốc): BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc) (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Giám đốc (Tổng Giám đốc) để có thêm cơ sở giúp Giám đốc (Tổng Giám đốc) trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Giám đốc (Tổng Giám đốc) trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Giám đốc (Tổng Giám đốc), Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng Giám đốc) tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Giám đốc (Tổng Giám đốc) và HĐQT: Giám đốc (Tổng Giám đốc) là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Giám đốc (Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu

b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Giám đốc (Tổng Giám đốc) gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

d. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

e. Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

f. Giám đốc (Tổng Giám đốc) có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;

g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 59. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 60. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 56 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Giám đốc (Tổng Giám đốc) sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 61. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8 – SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62: Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 9 – NGÀY HIỆU LỰC

Điều 63: ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 63 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc nhất trí thông qua ngày …. tháng….năm 2019 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy định tại Khoản 3 Điều 26 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/8/2019

3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trình lục Quy chế về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

Hôm nay, ngày ..... tháng 4 năm 2019, tôi:

Cổ đông: .....

Mã cổ đông: ..... (nếu có) Số lượng cổ phần sở hữu: .....

CMND số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Bằng giấy này, tôi ủy quyền cho:

Ông/Bà: .....Mã cổ đông: .....(nếu có)

CMND số: ..... cấp ngày: ..... tại: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

được đại diện tôi tham dự, biểu quyết và thực hiện các quyền khác của cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do người được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Tôi công nhận đã hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc ủy quyền này./-

Người ủy quyền	**Người nhận ủy quyền**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Lưu ý:

- Người được ủy quyền khi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phải mang theo CMND để Ban thẩm tra tư cách cổ đông đối chiếu và xác nhận.

- Giấy uỷ quyền, giấy đăng ký xin vui lòng gởi đến Ông: Nguyễn Đức Hạnh – Thành viên BKS – Đội trưởng Đội CVCX - Cty CP CTĐT Bảo Lộc trước 17h00 ngày 22 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ

Dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc.

Tên tôi là: .....

Số CMND/ĐKKD:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp .....

Địa chỉ : .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với số cổ phần đại diện là:

- Số cổ phần sở hữu: .....cổ phần
- Số cổ phần được uỷ quyền: .....cổ phần (nếu có)
- Số cổ phần đại diện: .....cổ phần (nếu có)

Tổng cộng: .....cổ phần

Bằng chữ: ....

....

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc xác nhận vào danh sách cổ đông/đại diện cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty, họp ngày 24/4/2019.

....., ngày..... tháng 4 năm 2019

Cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

- Người được ủy quyền khi dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phải mang theo CMND để Ban thẩm tra tư cách cổ đông đối chiếu và xác nhận.

- Giấy uỷ quyền, giấy đăng ký xin vui lòng gởi đến Ông: Nguyễn Đức Hạnh – Thành viên BKS – Đội trưởng Đội CVCX - Cty CP CTĐT Bảo Lộc trước 17h00 ngày 22 tháng 4 năm 2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP NHÓM (MẪU)

V/v .....

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ luật doanh nghiệp 68/2014/QH 13;

- Căn cứ Điều lệ Công Ty CP công trình đô thị Bảo Lộc;

- Căn cứ Thông báo số ..... ngày ..... về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

- Hôm nay, ngày...../4 /2019, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công Ty CP công trình đô thị Bảo Lộc, cùng nhau nắm giữ..... cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty CP công trình đô thị Bảo Lộc liên tục trong 6 tháng, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
...					
...					

Cùng nhất trí với nội dung như sau:

1.Thống nhất cử:

Ông (Bà) : .....

CMND: .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: Số nhà ..... đường ..... - Phường ..... Thành phố .....

Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần *(Bằng chữ:.....)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): ..... đồng

2. Làm đại diện nhóm để thực hiện .....

.....

.....

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... tại thành phố Bảo Lộc

Bảo Lộc, ngày ..... tháng .....năm 2019

CỔ ĐÔNG (người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và nghi rõ họ và tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC
261 Hoàng Văn Thụ - Phường I –Bảo Lộc –Lâm Đồng
Tel : 0263.3864057 MST : 58.0000.1347
Email: ctctdtbaoloc@lamdong.gov.vn
Website: http://congtydothibaoloc.com

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

PHIẾU BIỂU QUYẾT (PHIẾU MẪU)

Tên cổ đông: .....

Mã số cổ đông: .....

Số cổ phần sở hữu được quyền biểu quyết: .....cổ phần

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua báo cáo KQ HĐ SXKD năm 2018 & phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019			
2	Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán			
3	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và hình thức chia cổ tức năm 2018			
4	Thông qua tổng mức thù lao Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát năm 2019			
5	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019			
6	Thông qua Điều lệ của Công ty			
7	Thông qua Quy chế quản trị của Công ty			

Ghi chú:

Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn đánh dấu "**X**" vào một trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Cổ đông/đại diện được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

Số: ...../ NQ-ĐHĐCĐ

(Dự thảo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảo Lộc, ngày 24 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẢO LỘC

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn đã ban hành;

- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 24/4/2019;

- Căn cứ Biên bản họp số / BB-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần công trình đô thị Bảo Lộc.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo tổng kết, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2018:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Nghị quyết 2018	Thực hiện năm 2018	So sánh %
A	B	1	2	3=2/1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.300	40.765	86,2%
1.1	*Hoạt động công ích (bao gồm thu giá dịch vụ mt)*	*31.900*	*39.111*	*122,6%*
1.2	*XDCB, hoạt động khác, ...*	*15.400*	*1.654*	*10,7%*
2	Nộp NSNN	3.482	3.689	105,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.836	2.360	128,5%
4	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	6,9	7,0	101%

2. Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2019:

ĐVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.630
1.1.	*Hoạt động dịch vụ công ích (bao gồm giá dịch vụ)*	*34.448*
1.2.	*XDCB và hoạt động khác*	*5.000*
1.3	*Thu giá dịch vụ môi trường*	*6.182*
2.	Lợi nhuận sau thuế	2.200
3.	Thu nhập bình quân người lao động /tháng	7,1

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động, đánh giá giám sát của HĐQT với Ban điều hành trong năm 2018 và kế hoạch công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 4: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 5: Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 là: 235.200.000 đồng *(Hai trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn).* Trong đó: Hội đồng Quản trị 153.600.000 đồng, Ban kiểm soát 81.600.000 đồng (chi tiết phụ cấp cho từng thành viên do HĐQT và Ban kiểm soát thống nhất cụ thể).

Điều 6: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2018 theo số liệu cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế : 2.360.804.245 đ
2. Trả lãi liên doanh (1.462.097 x 56%) : 818.774 đ
3. Trả lại tiền xử lý rác y tế của CTy Cao nguyên Xanh: 230.966.000 đ
4. Lợi nhuận năm 2018 được phân phối: 2.129.019.471 đ
5. Lợi nhuận năm 2017 được phân phối tiếp: 405.932.077 đ
6. Lợi nhuận lũy kế được phân phối năm nay: 2.534.951.548 đ
7. Trích lập các quỹ theo quy định (35%) : 887.233.042 đ
8. Lợi nhuận phân phối trả cổ tức cho cổ đông: 1.647.718.506 đ
9. Mức trả cổ tức trên một cổ phần :

1.647.718.506 đ/1.558.248 cổ phần = 1.057,42 đ/ c.phần

(Bằng chữ:Một ngàn không trăm năm mươi bảy phẩy bốn hai đồng trên một cổ phần)

Điều 7: Hình thức chia cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng cho các cổ đông.

Điều 8: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019: Đại hội giao cho Hội đồng quản trị cùng với Ban kiểm soát lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2019 phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 9: Thống nhất thông qua Điều lệ Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc tại tờ trình số...../ TT-HĐQT ngày 12/4/2019.*(Đính kèm phụ lục Điều lệ Công ty)*

Điều 10: Thống nhất thông qua Quy chế quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc tại tờ trình số...../ TT-HĐQT ngày 12/4/2019.*(Đính kèm phụ lục Quy chế quản trị Công ty)*

Điều 11: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc nhất trí thông qua tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, các phòng, đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc./-

Nơi nhận:
- Như điều 10;
- UBCKNN;
- Website: http://congtydothibaoloc.com
- Lưu Thư ký Cty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Văn Quang